

NGUYỄN KIM HỒNG – HÀ BÍCH LIÊN – PHẠM THỊ BÌNH



TÀI LIỆU TẬP HUẤN GIÁO VIÊN

LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Mục lục

PHẦN MỘT: HƯỚNG DẪN CHUNG	3
1. QUAN ĐIỂM BIÊN SOẠN VÀ NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA SGK LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 6	3
1.1. Quan điểm biên soạn sách	3
1.2. Những điểm mới	4
2. CẤU TRÚC SÁCH VÀ CẤU TRÚC BÀI HỌC	5
2.1. Cấu trúc sách	5
2.2. Phân tích ma trận nội dung/hoạt động phần Lịch sử	7
2.3. Cấu trúc bài học	16
2.4. Những khác biệt về cấu trúc sách và cấu trúc bài học	18
3. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC	22
3.1. Phần Lịch sử	22
3.2. Phần Địa lí	28
4. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ	36
4.1. Hướng dẫn chung	36
4.2. Hướng dẫn cụ thể về kiểm tra, đánh giá năng lực, phẩm chất	37
4.3. Một số gợi ý về hình thức và phương pháp kiểm tra, đánh giá năng lực	37
PHẦN HAI: HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC MỘT SỐ DẠNG BÀI	42
1. Phần Lịch sử	42
2. Phần Địa lí	46
PHẦN BA: CÁC NỘI DUNG KHÁC	53
1. Hướng dẫn sử dụng sách giáo viên	53
2. Hướng dẫn khai thác, sử dụng nguồn tài nguyên sách, thiết bị giáo dục, học liệu điện tử của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	53

PHẦN MỘT

HƯỚNG DẪN CHUNG

1. QUAN ĐIỂM BIÊN SOẠN VÀ NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA SÁCH GIÁO KHOA LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 6

1.1. Quan điểm biên soạn sách

❖ **Bám sát chương trình, kế thừa bộ sách giáo khoa (SGK) hiện hành và học hỏi kinh nghiệm viết SGK ở các nước tiên tiến.**

– Nội dung sách được triển khai **bám sát chương trình** môn Lịch sử và Địa lí 6 được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 26/12/2018.

– Đảm bảo các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực chung quy định trong Chương trình tổng thể đồng thời với các năng lực đặc thù của môn học.

– Kế thừa, phát triển những điểm mạnh của SGK Lịch sử 6 và Địa lí 6 hiện hành: cụ thể là việc lựa chọn kiến thức căn bản ở những nội dung được đề cập trong chương trình mới, tính hệ thống tri thức của Khoa học Lịch sử, Khoa học Địa lí.

– Tiếp thu kinh nghiệm viết SGK của những nền giáo dục tiên tiến trên thế giới. Chú trọng giải quyết câu hỏi: tại sao môn Lịch sử, Địa lí lại hấp dẫn học sinh ở các nước tiên tiến? Vai trò của SGK Lịch sử và Địa lí trong việc tạo nên tính hấp dẫn của bộ môn?

❖ Đảm bảo các yêu cầu cần đạt về **phẩm chất và năng lực chung** quy định trong Chương trình tổng thể, đồng thời với các **năng lực đặc thù** của môn học.

❖ **Tăng tính hấp dẫn của SGK:** Ưu tiên hàng đầu khi biên soạn SGK Lịch sử và Địa lí 6 là khơi gợi được hứng thú của người học qua tư liệu, cách khai thác tư liệu, ngôn ngữ sử dụng và cách diễn đạt nội dung mới, sự hài hoà giữa kênh hình và chữ, giữa thiết kế và nội dung.

❖ **Chú trọng SGK là công cụ giúp học sinh phát triển khả năng tự học:** Quán triệt quan điểm **SGK là sách của học sinh**, dùng để tự đọc, tự học và hỗ trợ cho các em học trên lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên:

– Khuyến khích ngôn ngữ viết SGK giàu hình ảnh, cụ thể, giản dị, phù hợp với lứa tuổi học sinh lớp 6.

– Tạo điều kiện cho học sinh có thể tự đọc, tự học bằng hệ thống câu hỏi dẫn dắt tìm hiểu nội dung chính và hệ thống câu hỏi và bài tập, luyện tập, vận dụng cuối bài bám sát mục tiêu bài học.

– Tư tưởng chủ đạo của bộ sách là chú trọng phát triển năng lực, **đổi mới và sáng tạo**, vận dụng triệt để các quan điểm: **Dạy học tích hợp**, tích cực hoá hoạt động của học sinh. Tư tưởng này được hiện thực hoá bằng các hoạt động thực hành và trải nghiệm phong phú trong các chương/bài, tạo ra các cơ hội hình thành, phát triển các năng lực và phẩm chất.

1.2. Những điểm mới

– Chú trọng đặc biệt đến quá trình **Tiếp cận năng lực** của học sinh thông qua việc trình bày các tình huống có vấn đề và gợi mở cho học sinh phương án giải quyết và hệ thống các câu hỏi dẫn dắt, gợi ý các em có thể tự học và giáo viên có cơ sở hướng dẫn học sinh trong từng mục của mỗi bài học.

– Chú trọng kiến thức tích hợp ở cả hai cấp độ là tích hợp nội môn và tích hợp liên môn. Nội dung tích hợp sẽ nằm chính ngay trong bản chất của Khoa học Lịch sử và Khoa học Địa lí. Ngoài tích hợp nội môn, phần tích hợp liên môn được chú trọng trong nội dung kiến thức, 100% các bài học lịch sử đều có kiến thức môn Địa lí, ngược lại, các bài của môn Địa lí cũng có tích hợp kiến thức lịch sử. Ngoài ra, còn tích hợp nội dung với các môn học khác với khoảng 20% môn nghệ thuật, 20% ngữ văn, 10% toán, kĩ thuật, sinh học,... **Kiến thức tích hợp được thể hiện trong sách ở cả 3 phần: Mở đầu, Nội dung mới; Hoạt động và phần Luyện tập – Vận dụng.**

– Trình bày nội dung kiến thức sống động và dẫn dắt học sinh kết nối được giữa kiến thức lịch sử với cuộc sống hiện tại, giữa kiến thức địa lí đại cương với thực tế cuộc sống. Phát triển năng lực nhận thức song song với việc đem lại sự hứng thú và quan tâm một cách tự nhiên đối với việc học lịch sử, địa lí của học sinh khi sử dụng SGK Lịch sử và Địa lí 6.

– Nội dung kiến thức không chỉ được chuyển tải bằng chữ viết mà bằng cả kênh hình. Kênh hình trong sách bao gồm hình ảnh, bản đồ, lược đồ, sơ đồ,... Kênh chữ là nội dung kiến thức, tư liệu chữ viết. Riêng trong phần Lịch sử, tiếp thu cách trình bày và kinh nghiệm của SGK mới trên thế giới, trong cách trình bày chúng tôi dùng khái niệm “Nguồn tư liệu” (Source – viết tắt trong diễn giải của sách là tư liệu, kí hiệu bằng số). Những hình phục dựng sử dụng trong sách không chỉ có giá trị minh hoạ mà là một nguồn tư liệu chuyển tải nội dung được đề cập thay cho diễn tả bằng chữ (tranh vẽ minh hoạ phải dựa trên hiện vật và nguồn sử liệu chữ viết hay truyền miệng, hình ảnh chụp phải có giá trị ứng dụng, ví dụ để liên hệ với hiện tại hay minh chứng cho những thay đổi của lịch sử hay nhấn mạnh tính giáo dục của lịch sử,...). Ngoài nội dung kiến thức mới còn có mục *Em có biết*, là những thông tin bổ sung để các em có

thể, mở rộng và đào sâu kiến thức, thấy được sự kết nối giữa quá khứ với hiện tại, giữa kiến thức địa lí và cuộc sống. Ngoài ra, mục này còn góp phần nâng cao sự hứng thú và tích cực của HS trong quá trình học tập.

– Chú trọng thiết kế phục vụ cho nội dung: Thiết kế không chỉ vì mục đích thẩm mĩ và tăng tính hấp dẫn mà mục tiêu chính là hướng đến yêu cầu cần đạt về phẩm chất, kĩ năng và kiến thức.

– Chú trọng xây dựng kĩ năng lịch sử và kĩ năng địa lí; năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.

– Nội dung và hình thức của sách chú trọng đến **trình độ và đặc điểm tâm sinh lí** của học sinh lớp 6 (thông qua việc trình bày một cách có hệ thống, hợp lí nhiều kênh hình, biểu đồ, sơ đồ, bản đồ; nội dung các câu hỏi, các hoạt động xoay quanh các nguồn tư liệu viết, tư liệu hình ảnh, hạn chế việc sử dụng từ ngữ khó, câu chữ phức tạp).

– Nội dung sách được biên soạn cũng nhằm hướng dẫn người dạy và người học thực hiện quá trình **tổ chức việc dạy và học**; gợi ý các phương pháp để học sinh có thể tự học, giáo viên có thể dễ dàng hướng dẫn học sinh học tập. Chú ý đến việc phân phối bố cục và nội dung hợp lí để giáo viên có thể giảng dạy 2 tiết tách biệt vào 2 ngày khác nhau, cũng như cho phép giáo viên có thể dễ dàng tham khảo xây dựng kế hoạch dạy học của mình mềm dẻo, linh hoạt tùy theo điều kiện của địa phương và đối tượng học sinh (ví dụ, giáo viên có thể sử dụng mà không cần sự hỗ trợ của máy chiếu, phim ảnh; giáo viên có thể phân bổ các bài trong một chương theo thực tế từng địa phương).

– Nhóm tác giả cũng quán triệt cách tiếp cận học qua thực hành, thực hành để học; học qua trải nghiệm, trải nghiệm để học; xem sách giáo khoa là công cụ giúp học sinh phát triển khả năng tự học.

– Tích cực vận dụng nguyên lí **“Người học là trung tâm”** của quá trình dạy và học, với trọng tâm là chú trọng giáo dục hình thành và phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực người học.

– Chú trọng đặc biệt đến quá trình **Tiếp cận năng lực** của học sinh; giúp giáo viên dễ dàng kết nối với đời sống thực ngay trong lớp học, cung cấp các kĩ năng cần thiết trong đời sống thực tế thông qua việc trình bày các tình huống có vấn đề và gợi mở cho học sinh phương án giải quyết.

2. CẤU TRÚC SÁCH VÀ CẤU TRÚC BÀI HỌC

2.1. Cấu trúc sách

2.1.1. Phần Lịch sử

Phần Lịch sử trong SGK Lịch sử và Địa lí 6 gồm có 5 chương, 21 bài học trong 35 tuần lễ của năm học.

Trang bìa của sách là bức tranh sơn mài “Giống” của họa sĩ Nguyễn Tư Nghiêm, do Bảo tàng Mỹ thuật Quốc gia cung cấp. Tác phẩm được công nhận là “Bảo vật quốc gia” năm 2017. Tại sao bức tranh này lại được chọn làm hình bìa?

Thông điệp của bức tranh thể hiện được chức năng giáo dục của chương trình lịch sử.

Học sinh và giới trẻ nhìn vào tấm gương Thánh Gióng để có được tình yêu quê hương đất nước, niềm tự hào và trách nhiệm đối với dân tộc.

Bức tranh là một tuyên ngôn của giáo dục lịch sử: “Đi đến tận cùng của truyền thống sẽ gặp hiện đại” (Nguyễn Tư Nghiêm).

Những nội dung được dạy trong phần lịch sử Việt Nam của chương trình được cô đọng, đúc kết và thể hiện bằng hình ảnh trong bức tranh này: Truyền thống yêu nước xuyên suốt lịch sử dân tộc; văn hoá Đông Sơn của thời kì Hùng Vương dựng nước (những hoạ tiết tiêu biểu của trống đồng, rìu đồng, miếng giáp che ngực của chiến binh Âu Lạc hình Giao long,...).

Ngoài ra, từ lớp 2 và đến lớp 6, trong chương trình môn Mỹ thuật cũng đã đề cập đến nghệ thuật truyền thống của dân tộc, giới thiệu tác phẩm, tác giả,... nên kiến thức tích hợp với Mỹ thuật sẽ tạo thêm hứng thú học lịch sử cho học sinh.

Chương 1: Hướng học sinh tới làm quen với cách nhìn đúng và xây dựng cảm xúc về bộ môn Lịch sử.

Chương 2: Thời nguyên thủy, cấu trúc thành 3 bài, mạch nội dung được viết đan xen giữa thế giới, khu vực và Việt Nam.

Chương 3: Xã hội cổ đại, được chia thành từng bài.

Chương 4: Lịch sử khu vực Đông Nam Á được xếp vào một chương riêng là phần mới hoàn toàn của phân môn Lịch sử 6.

Chương 5: Là phần Lịch sử Việt Nam gồm cả nội dung về Champa và Phù Nam.

Mỗi chương đều có **Trang chủ đề** cũng là phần mở đầu, giới thiệu nội dung chính trong toàn chương.

Phần từ điển thuật ngữ lịch sử: Giúp học sinh làm quen với các khái niệm lịch sử, ở mức độ đơn giản, có trong nội dung bài học và phục vụ cho những nội dung chính của bài học.

2.1.2. Phần Địa lí

Phần Địa lí trong SGK Lịch sử và Địa lí 6 gồm có 7 chủ đề sau:

- 1) Bản đồ – Phương tiện thể hiện bề mặt Trái Đất.
- 2) Trái Đất – Hành tinh của hệ Mặt Trời.

3) Cấu tạo của Trái Đất. Vỏ Trái Đất.

4) Khí hậu và biến đổi khí hậu.

5) Nước trên Trái Đất.

6) Đất và sinh vật trên Trái Đất.

7) Con người và thiên nhiên.

Mỗi chủ đề được trình bày thành một chương, theo cấu trúc hai phần như sau: giới thiệu chương và các bài học.

Phần **Giới thiệu chương** nêu bật những nội dung chủ đạo của chương.

Các bài học là phần cụ thể hoá các yêu cầu cần đạt trong mỗi chương. Việc sắp xếp, kết nối, phân tách các yêu cầu cần đạt cho phù hợp với cấu trúc các bài học trong mỗi chương đã được cân nhắc kĩ. Mục đích là làm sao để giáo viên và học sinh đạt được các yêu cầu một cách dễ dàng nhất.

Nội dung 7 chủ đề trên được viết thành 25 bài học, bao gồm cả Bài mở đầu. Mỗi bài học có bố cục hợp lí, nhằm làm nổi bật các quan điểm biên soạn sách là tiếp cận năng lực và dạy học tích hợp.

2.2. Phân tích ma trận nội dung/hoạt động phần Lịch sử

	Năng lực chung			Năng lực đặc thù			Phẩm chất				
	Tự chủ và tự học	Giao tiếp và hợp tác	Giải quyết vấn đề và sáng tạo	Tìm hiểu lịch sử	Nhận thức và tư duy lịch sử	Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học	Yêu nước	Nhân ái	Chăm chỉ	Trung thực	Trách nhiệm
Bài 1	X			X						X	
Hoạt động 1 phần I					X						
Hoạt động 2 phần I					X						
Hoạt động 1 phần II					X						
Hoạt động 2 phần II					X						
Hoạt động 1 phần III				X							
Hoạt động 2 phần III		x				X					

Bài 2	x				X			X		
Hoạt động 1 phần I			x							
Hoạt động 2 phần I				X						
Hoạt động 1 phần II		X								
Bài 3			X		X		x			
Hoạt động 1 phần I				x				X		
Hoạt động 2 phần I			x			X				
Hoạt động 3 phần I				x				X		
Hoạt động 1 phần II			x			X		X		
Hoạt động 2 phần II					X		x			
Bài 4		x				X			x	
Hoạt động 1 phần I				x				X		
Hoạt động 2 phần I			x				X			
Hoạt động 1 phần II, mục 1		x						X		
Hoạt động 2 phần II, mục 1				X						
Hoạt động 3 phần II, mục 1				X						

Hoạt động 1 phần II, mục 2				X							
Hoạt động 2 phần II, mục 2		X					X				
Hoạt động 1 phần III		X							X		
Bài 5	X		X		X					X	
Hoạt động 1 phần I	x					X					
Hoạt động 2 phần I		x					X				
Hoạt động 1 phần II			x		X			X			
Hoạt động 2 phần II				X				x			
Hoạt động 1 phần III			X		X				X		
Hoạt động 2 phần III		x			X				X		
Hoạt động 3 phần III			X		X						
Bài 6	x		x			X		x			
Hoạt động 1 phần I			X						X		
Hoạt động 2 phần I		X			X				x		
Hoạt động 1 phần II			X		X					X	
Hoạt động 2 phần II			X		X			X		x	



Hoạt động 1 phần III			x		X			x			
Hoạt động 2 phần III		X				X				X	
Bài 7		X		X	x					X	
Hoạt động 1 phần I						X					
Hoạt động 2 phần I					X						
Hoạt động 1 phần II		x			X						
Hoạt động 2 phần II					X						
Hoạt động 1 phần III		X						X			
Hoạt động 2 phần III				X			X				
Hoạt động 3 phần III			X							X	
Bài 8	x		x		X		X				
Hoạt động 1 phần I	X				X					X	
Hoạt động 2 phần I	X				X						
Hoạt động 1 phần II			X								
Hoạt động 2 phần II					X		X				
Hoạt động 1 phần III					X						
Hoạt động 2 phần III					X						

Hoạt động 3 phần III					X						
Bài 9		X			X					x	
Hoạt động 1 phần I			X								
Hoạt động 2 phần I			X								
Hoạt động 1 phần II			x								
Hoạt động 2 phần II		X			X			X			
Hoạt động 3 phần II		X			X			X			
Hoạt động 1 phần III		X			X			X			
Hoạt động 1 phần IV				X		X					
Hoạt động 2 phần IV				x					x		
Bài 10			X			X		X			
Hoạt động 1 phần I		x								X	
Hoạt động 2 phần I			x			X					
Hoạt động 1 phần II				X		X					
Hoạt động 2 phần II						X					
Hoạt động 1 phần III				X				X			
Bài 11		X			x		X				
Hoạt động 1 phần I					X						



Hoạt động 1 phần II		X			X		X				
Hoạt động 2 phần II		X			X		X				
Hoạt động 1 phần III				X							
Hoạt động 2 phần III				x							
Bài 12		X	X	X	x			X			
Hoạt động 1 phần I				X				X			
Hoạt động 2 phần I				X				X			
Hoạt động 1 phần II			x		X						
Hoạt động 1 phần III		x									
Hoạt động 2 phần III										x	
Bài 13		x			x			X			
Hoạt động 1 phần I		X									
Hoạt động 1 phần II		X			X			X			
Hoạt động 2 phần II		X			X						
Bài 14		x	X			X		X			
Hoạt động 1 phần I, mục 1			X		X						
Hoạt động 2 phần I, mục 1		X				x		X			

Hoạt động 1 phần I, mục 2			x		X						
Hoạt động 1 phần II			X					X			
Bài 15		X				x				X	
Hoạt động 1 phần I		X									
Hoạt động 2 phần I			X						X		
Hoạt động 1 phần II				X					X		
Bài 16	X			X			x				
Hoạt động 1 phần I					X		X				
Hoạt động 2 phần I					X		X				
Hoạt động 3 phần I	X				X		X				
Hoạt động 1 phần II			X			X			X		
Hoạt động 2 phần II			X			X			X		
Hoạt động 3 phần II			X						X		
Hoạt động 4 phần II									X		
Bài 17		X			X		X			X	
Hoạt động 1 phần I		x			X		X				
Hoạt động 2 phần I				X			X				



Hoạt động 1 phần II		X						X		
Bài 18	X	X		X		X		X		
Hoạt động 1 phần I				X				X		
Hoạt động 2 phần I		X		X		x		X		
Hoạt động 3 phần I	X				X			X		
Hoạt động 1 phần II	X				X			X		
Hoạt động 2 phần II		X			X			X		
Hoạt động 1 phần III	X				X			X		
Hoạt động 2 phần III		X			X			X		
Hoạt động 1 phần IV					X			X		
Hoạt động 1 phần V		X			X			X		
Hoạt động 2 phần V	X				X			X		
Bài 19	X	x			X			X		
Hoạt động 1 phần I, mục 1	X				X			X		
Hoạt động 2 phần I, mục 1		X			X			X		
Hoạt động 1 phần I, mục 2		X			X			X		

Hoạt động 1 phần II	X				X			X			
Hoạt động 2 phần II		x			X			X			
Bài 20	X	x			X			X			
Hoạt động 1 phần I		X			X			X			
Hoạt động 1 phần II	X				X			X			
Hoạt động 2 phần II	X				X			X			
Hoạt động 1 phần III		X			X			X			
Bài 21	x	X			X			X		x	X
Hoạt động 1 phần I	X				X			X			
Hoạt động 1 phần II		x			X					x	
Hoạt động 2 phần II		X			X						X
Hoạt động 3 phần II	X				X						X
Hoạt động 1 phần III					X						X
Hoạt động 2 phần III				X							
Hoạt động 3 phần III		x				X					

2.3. Cấu trúc bài học

Các bài trong sách có chung cấu trúc thống nhất theo Thông tư 33 như sau:

CẤU TRÚC BÀI HỌC



Với quan điểm biên soạn SGK theo hướng tiếp cận năng lực và tích hợp, cấu trúc trong từng bài học gồm những phần sau:

❖ **Phần Mở đầu, bao gồm:**

– **Yêu cầu cần đạt:** nêu ngắn gọn các yêu cầu cần đạt trong bài nhằm định hướng cho người học.

Yêu cầu cần đạt: nêu lên những mục tiêu về kiến thức và kĩ năng mà các em cần đạt được sau khi học xong mỗi bài.

Ví dụ: Ở phần Lịch sử, bài **các cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc trước thế kỉ X** Học xong bài này, các em sẽ:

- Giải thích được nguyên nhân của các cuộc khởi nghĩa.
- Trình bày được những diễn biến chính của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu.
- Nêu được kết quả và ý nghĩa của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu.
- Lập được biểu đồ, sơ đồ về các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu.

Kiến thức mà học sinh cần nắm ở đây là nguyên nhân, diễn biến, kết quả, ý nghĩa của các cuộc khởi nghĩa. Còn kĩ năng là giải thích được, trình bày được, nêu được và lập được sơ đồ.

– **Dẫn nhập:** Nêu tình huống gợi sự tò mò của học sinh để bắt đầu bài học. Không yêu cầu học sinh phải biết câu trả lời chính xác.

Mở đầu (dẫn nhập): Tạo hứng thú cho học sinh khám phá những nội dung cơ bản trong mỗi bài, đồng thời cung cấp dữ liệu sinh động để giáo viên chủ động khởi động giờ học.

Ví dụ: Ở phần Địa lí, dẫn nhập của bài **Hệ thống kinh, vĩ tuyến. Toạ độ địa lí**

Ngày xưa, trong những cuộc hành trình, các tàu biển thường xuyên bị mất phương hướng. Ví dụ, một cơn bão có thể đưa tàu đi xa hơn nơi nó muốn đến. Để khắc phục điều

này, con người đã nỗ lực tìm kiếm cách xác định chính xác vị trí, cách tìm đường đi đến mọi địa điểm trên bề mặt Trái Đất. Vì thế, một mạng lưới kinh, vĩ tuyến tưởng tượng bao phủ toàn bộ quả Địa cầu đã ra đời giúp họ làm được điều này.

❖ Phần Nội dung kiến thức mới:

Giới thiệu chi tiết nội dung kiến thức mới. Cuốn sách cấu trúc theo đề mục số La Mã và số tự nhiên đi kèm với những **tiêu đề**: giúp học sinh dự đoán được nội dung chính của bài.

– Các **nguồn tư liệu** (tranh ảnh, bản đồ, sơ đồ, biểu đồ, tư liệu viết,...), chất liệu hình thành nên nội dung bài học.

– Hệ thống câu hỏi **phát triển năng lực** trong từng phần của mỗi bài nhằm dẫn dắt học sinh nắm được nội dung chính của từng phần khi sử dụng sách.

❖ Phần Luyện tập – Vận dụng

Ở cuối mỗi bài học là hệ thống các câu hỏi và bài tập hướng tới rèn luyện kĩ năng và vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết một vấn đề có liên quan đến hiện tại, thực tế. Một số câu hỏi mang tính chất hệ thống lại kiến thức của bài học cũng có trong mục này.

– Phần **Luyện tập** là những câu hỏi, nhiệm vụ học tập nhằm ôn luyện kiến thức, kĩ năng cho học sinh.

– Phần **Vận dụng** cuối mỗi bài gồm các câu hỏi vận dụng thể hiện rõ quan điểm và yêu cầu cần đạt về **phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng của HS vào trong cuộc sống**. Ví dụ: Yêu cầu học sinh phân tích một tình huống, giải quyết một vấn đề trong cuộc sống và đưa ra cách giải quyết phù hợp.

Ví dụ về vận dụng trong bài Ai Cập cổ đại (*phần Lịch sử*): *Giả sử lớp học của em có chiều cao 3 m, em hãy cùng các bạn trong lớp tìm hiểu xem chiều cao của kim tự tháp Kê-ốp gấp bao nhiêu lần chiều cao của lớp học?*

Bài tập thực hành ở bài Ai Cập cổ đại không chỉ nhằm kiểm tra, rèn luyện kiến thức toán học của học sinh mà điều quan trọng là khi tìm ra kết quả, học sinh sẽ càng thấy khâm phục hơn về trình độ xây dựng của người Ai Cập cổ đại trong điều kiện công cụ thô sơ với sức lao động cơ bắp là chủ yếu, vậy mà : *“bất cứ cái gì cũng phải sợ thời gian, nhưng thời gian lại phải sợ Kim tự tháp”*.

Ví dụ về vận dụng trong bài: Chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất và hệ quả (*phần Địa lí*)

Sáng nay, trước khi đến trường, Hoàng định gọi điện hỏi thăm một người bạn ở nước Anh. Thấy vậy, mẹ của Hoàng đã khuyên bạn ấy hãy gọi vào thời điểm khác phù hợp hơn. Theo em, tại sao mẹ của Hoàng lại khuyên như vậy? Em hãy tư vấn cho Hoàng thời điểm phù hợp để gọi điện hỏi thăm bạn của mình.

Bài tập vận dụng này giúp các em ứng dụng được kiến thức hệ quả chuyển động tự quay quanh trục của trái Đất để thấy được sự khác biệt về giờ giấc ở các quốc gia và có những ứng xử cho phù hợp với sự khác biệt đó.

❖ **Phần kiến thức mở rộng và nâng cao:** chiếm khoảng từ 10 đến 15 % nội dung của bài học tùy theo từng bài, nằm ở các mục “*Em có biết*” và “*Nhân vật lịch sử*” (phần Lịch sử); mục “*Em có biết*” (phần Địa lí).

Như vậy, qua một bài học, học sinh có rất nhiều cơ hội để tiếp xúc với thế giới bên ngoài, kết nối quá khứ với hiện tại khi được đặt trong những tình huống có thật và phải vận dụng kiến thức, kĩ năng để giải quyết các vấn đề. Cách tiếp cận này của sách hoàn toàn phù hợp với quan điểm tiếp cận năng lực đã đặt ra cho việc biên soạn sách giáo khoa của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.4. Những khác biệt về cấu trúc sách và cấu trúc bài học

2.4.1. Đối chiếu SGK mới với điều 7 trong Thông tư 33 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Sách giáo khoa *Lịch sử và Địa lí 6* – bộ Chân trời sáng tạo được biên soạn tuân thủ theo đúng những quy định được nêu ra trong điều 7 của Thông tư 33 về cấu trúc sách giáo khoa.

Cấu trúc sách có đầy đủ các thành phần cơ bản: Bao gồm 5 chương, 21 bài (phần Lịch sử); 7 chương, 25 bài (phần Địa lí), thuật ngữ và mục lục. Tuy nhiên, khác với SGK hiện hành (mục lục đặt ở cuối sách), trong SGK mới, mục lục được đặt ở đầu cuốn sách để dễ theo dõi và có một trang hướng dẫn sử dụng sách, nhằm giúp học sinh đọc sách có hiệu quả hơn.

Mỗi chương có trang mở đầu chương, giới thiệu khái quát nội dung của chương với những hình ảnh có tính gợi mở và định hướng nhận thức.

Trong mỗi bài có 5 thành phần cơ bản: Yêu cầu cần đạt; mở đầu; kiến thức mới; luyện tập; vận dụng.

2.4.2. Đối chiếu sự khác biệt giữa SGK mới với SGK hiện hành

Sách giáo khoa hiện hành đã được thực hiện trong gần 20 năm (từ 2002), được viết theo hướng tiếp cận kiến thức nên chủ yếu hướng dẫn giáo viên thực hiện các hoạt động theo lối truyền thụ kiến thức, trong đó giáo viên đóng vai trò trung tâm, còn học sinh thụ động nghe và ghi chép.

SGK mới hướng tới phát triển năng lực và kĩ năng cho học sinh. Tư tưởng xuyên suốt của bộ sách là lấy hoạt động học của học sinh làm trung tâm: học tích cực, học hợp tác, học để vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Giáo viên chỉ đóng vai trò là người hướng dẫn và tổ chức các hoạt động cho học sinh tiếp thu kiến thức.

Chúng ta có thể so sánh để thấy rõ sự khác biệt trong cấu trúc bài học của cuốn sách này với sách giáo khoa hiện hành như sau:

	Sách hiện hành	Sách mới
Xu hướng chủ đạo	– Diễn dịch	– Quy nạp
Tổ chức nhiệm vụ học tập	– HS được cung cấp các khái niệm trước – Phân tích ví dụ, tình huống để làm rõ, làm minh chứng	– HS được giao nhiệm vụ tìm hiểu, nghiên cứu sự vật hiện tượng, tình huống làm cơ sở cho việc đi đến đúc kết các nhận định, kết luận của cá nhân để trình bày các khái niệm, các kiến thức lí thuyết.
– Số lượng kênh hình – Cách sử dụng kênh hình	– Ít hơn – Có những hình chỉ là minh hoạ	– Nhiều hơn – Các hình dùng để tổ chức hoạt động học tập nhiều hơn
Kênh chữ	– Mở đầu là tóm tắt nội dung của bài – Chính văn đặt trước câu hỏi – Bài đọc thêm (dài hơn, phần riêng, không dùng để khai thác kiến thức) – Đúc kết nội dung chính	– Mở đầu = gợi mở, tạo hứng thú khám phá. – Chính văn đặt sau câu hỏi, tình huống – Em có biết (ngắn, xen lẫn trong bài nhằm bổ sung thông tin, đôi khi để khai thác kiến thức) – Không có (HS sẽ tự rút ra, khác nhau giữa các HS = thể hiện năng lực riêng)
Câu hỏi – Trong bài – Cuối bài	– Giữa bài – Cuối bài (không phân biệt luyện tập, vận dụng)	– Giữa bài – Cuối bài (phân rõ luyện tập và vận dụng)
Kết luận		Thuận lợi cho dạy học phát triển năng lực HS

Những điểm khác biệt cụ thể có thể thấy như sau:

1. Khác về kết cấu chương và bài

Phần Lịch sử

Ở SGK hiện hành chỉ gồm Mở đầu (2 bài) 2 phần và 4 chương (Khái quát Lịch sử thế giới cổ đại và Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến thế kỉ X). Cuối mỗi chương có một bài ôn tập.

Ở SGK mới không chia thành các phần mà chia thành 5 chương với 21 bài, không có các bài ôn tập cuối mỗi chương.

Trong khi kế thừa hầu hết kết cấu bài ở nội dung lịch sử Việt Nam, thì ở nội dung lịch sử thế giới cổ đại, SGK mới kết cấu đi vào từng quốc gia cụ thể: Ai Cập; Lưỡng Hà; Ấn Độ; Trung Quốc; Hy Lạp; La Mã. Đặc biệt, SGK mới bổ sung thêm một chương mà SGK hiện hành không có: Đông Nam Á từ những thế kỉ tiếp giáp Công nguyên đến thế kỉ X và bổ sung thêm một bài mới: Vương quốc cổ Phù Nam.

Phần Địa lí

Ở SGK hiện hành chỉ gồm Mở đầu (1 bài) 2 phần và 2 chương (Chương I: Trái Đất và chương II: Các thành phần tự nhiên của Trái Đất).

Ở SGK mới chia thành 7 chương với 25 bài (kể cả Bài mở đầu), trong đó các thành phần tự nhiên không nằm cùng trong một chương mà chia ra thành nhiều chương, mỗi chương là một thành phần tự nhiên khác nhau.

2. Khác trong viết các tiểu mục và nội dung các câu hỏi hoạt động

– Ở SGK hiện hành, trong nhiều bài, tiểu mục được viết theo dạng câu hỏi và các câu hỏi hoạt động được đặt xen kẽ giữa các tiểu mục. Ở SGK mới, các tiểu mục bám sát nội dung chương trình và các câu hỏi hoạt động được đặt ngay ở đầu các tiểu mục.

Ví dụ ở bài 1: Sơ lược về môn Lịch sử

SGK cũ viết các tiểu mục dưới dạng câu hỏi như sau:

1. Lịch sử là gì?
2. Học lịch sử để làm gì?
3. Dựa vào đâu để biết và dựng lại Lịch sử?

SGK mới viết các tiểu mục bám theo yêu cầu của chương trình như sau:

1. Lịch sử và môn Lịch sử
2. Vì sao phải học lịch sử?
3. Khám phá quá khứ từ các nguồn sử liệu.

– Các câu hỏi hoạt động ở SGK hiện hành chủ yếu mang tính kiểm tra kiến thức.

Ví dụ ở bài xã hội nguyên thủy có các câu hỏi:

- *Bầy người nguyên thủy sống như thế nào?*
- *Đời sống của người tinh khôn tiến bộ hơn người tối cổ ở điểm nào?*
- *Công cụ bằng kim loại có tác dụng như thế nào?*

Trong khi các câu hỏi ở SGK mới bảo đảm sự hài hoà giữa các hoạt động kiểm tra kiến thức, rèn kĩ năng với hoạt động thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn cuộc sống của học sinh.

Dựa vào sơ đồ 4.1 và thông tin bên dưới, em hãy cho biết:

- *Xã hội nguyên thủy đã trải qua những giai đoạn phát triển nào?*
- *Đặc điểm căn bản trong quan hệ của con người với nhau thời kì nguyên thủy.*

Lao động có vai trò như thế nào trong quá trình tiến hoá của người nguyên thủy?

– *Dựa vào các hình 4.2, 4.4, 4.5, 4.6 và thông tin bên dưới, em hãy kể tên những công cụ lao động của người nguyên thủy. Những công cụ đó được dùng để làm gì?*

– Theo em lao động có vai trò như thế nào đối với bản thân, gia đình và xã hội ngày nay?

3. Khác trong việc tổ chức các hoạt động cho HS trên lớp

Ở SGK hiện hành, việc tổ chức các hoạt động trên lớp thường chủ yếu là giáo viên thuyết trình và trong quá trình đó, sử dụng một số câu hỏi nêu vấn đề, một số tranh ảnh, bản đồ, sơ đồ minh hoạ cho bài học (nghĩa là giáo viên làm việc là chủ yếu). Ở SGK mới, đòi hỏi giáo viên phải đầu tư nhiều công sức suy nghĩ, chuẩn bị đồ dùng cho một tiết dạy trên lớp. Trong tiết dạy, giáo viên đóng vai trò người hướng dẫn, áp dụng nhiều hình thức dạy học, sử dụng nhiều kĩ thuật khác nhau. Ví dụ: ở hoạt động khởi động: có thể dùng các trò chơi (ai là triệu phú, giải ô chữ, chuyển phát nhanh, dừng xe bus, Taboo (từ cấm), trò chơi Bingo,...); ở hoạt động hình thành kiến thức mới: giáo viên sử dụng các kĩ thuật khăn trải bàn, công não; thảo luận nhóm; mô tả và ghi chép; sân khấu hoá; Timeline và sơ đồ hoá,...); ở hoạt động kết bài, củng cố và kiểm tra kiến thức: giáo viên có thể sử dụng trò chơi hai nửa yêu thương; sơ đồ tư duy; thi ai nhanh hơn; sử dụng kim tự tháp 3-2-1 (phần đáy yêu cầu ghi ra 3 điều các em học được qua bài học; phần giữa ghi ra 2 điều mà các em thú vị, muốn tìm hiểu thêm và phần đỉnh chóp ghi 1 câu hỏi mà các em còn băn khoăn hoặc 1 điều em học được từ bài học này để ứng dụng vào cuộc sống),...

4. Khác về môn học

Ở SGK hiện hành, Lịch sử và Địa lí là hai môn học riêng biệt. Trong khi SGK mới lại là môn tích hợp Lịch sử – Địa lí. Vì vậy, các bài biên soạn có sự tích hợp nội môn, đi từ thế giới, khu vực đến Việt Nam; có sự kết hợp liên môn: cả lịch sử với địa lí và sử dụng các kiến thức ngữ văn, toán, nghệ thuật, khoa học,... trong các bài hoặc trong các hoạt động luyện tập và vận dụng.

5. Khác trong hình thức sách

Ở SGK hiện hành, kênh chữ khá nhiều, ít sơ đồ, bản đồ, tranh ảnh. Một số bài kiến thức hàn lâm, vượt quá hiểu biết so với độ tuổi. Hình thức thiết kế đơn điệu chỉ 2 màu đen, trắng.

Ở SGK mới: nội dung kiến thức đơn giản, kênh chữ ít, kiến thức nhẹ nhàng, tăng cường các hình ảnh, tranh ảnh, sơ đồ, bản đồ. Đặc biệt, sách được in nhiều màu, bìa cứng, giấy in chất lượng, có khả năng sử dụng được nhiều năm. Cỡ chữ phù hợp với lứa tuổi THCS để không ảnh hưởng đến mắt của học sinh.

Như vậy, sử dụng cuốn sách mới, GV sẽ rất thuận lợi trong việc triển khai, tổ chức các hoạt động học tập nhằm phát triển năng lực, phẩm chất cho học sinh.



3. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

3.1. Phần Lịch sử

3.1.1. Những yêu cầu cơ bản về phương pháp dạy học

Ngày nay, dạy học phát triển phẩm chất, năng lực đang trở nên phổ biến trên thế giới. Khuynh hướng dạy học này hướng tới việc dạy như thế nào để hình thành phẩm chất, năng lực của học sinh chứ không phải là dạy nội dung kiến thức gì. Dạy học hiện đại nói chung và bộ môn Lịch sử nói riêng đặt ra hàng loạt các yêu cầu đối với các thành tố của hoạt động dạy học, đặc biệt là phương pháp dạy học phát triển phẩm chất, năng lực cho người học.

Phương pháp dạy học lịch sử theo hướng phát triển năng lực chú trọng đa dạng hoá các hình thức tổ chức hoạt động dạy học, giúp học sinh tự tìm hiểu, tự khám phá tri thức; chú trọng rèn luyện cho học sinh biết cách sử dụng sách giáo khoa và các tài liệu học tập, biết cách suy luận để tìm tòi và phát hiện kiến thức mới; tăng cường phối hợp tự học với học tập, thảo luận theo nhóm, đóng vai, dự án. kết hợp việc dạy học trên lớp với các hoạt động xã hội. Phương pháp dạy học mới khuyến khích học sinh trải nghiệm, sáng tạo trên cơ sở giáo viên là người tổ chức, hướng dẫn cho học sinh tìm kiếm và thu thập thông tin, gợi mở giải quyết vấn đề, tạo cho học sinh có điều kiện thực hành, tiếp xúc với thực tiễn, học cách phát hiện vấn đề và giải quyết vấn đề một cách sáng tạo.

Đối với phân môn Lịch sử, hình thức dạy học chú trọng lối kể chuyện, dẫn chuyện lịch sử, giáo viên giúp cho học sinh làm quen với lịch sử địa phương, lịch sử dân tộc, lịch sử khu vực và thế giới qua các câu chuyện lịch sử; tạo cơ sở để học sinh bước đầu nhận thức về khái niệm thời gian, không gian, đọc hiểu các nguồn sử liệu đơn giản về sự kiện, nhân vật lịch sử. Yêu cầu cơ bản về phương pháp dạy học phân môn Lịch sử nhằm phát triển phẩm chất, năng lực là phải lựa chọn, sử dụng các phương pháp dạy học/kĩ thuật dạy học (PPDH, KTDH):

- Đảm bảo tính cơ bản, thiết thực, hiện đại.
- Đảm bảo tính tích cực của người học khi tham gia vào hoạt động học tập.
- Rèn luyện cho học sinh phương pháp học, hình thành kĩ năng tự học, kĩ năng nghiên cứu khoa học; bồi dưỡng hứng thú và lòng say mê học tập.
- Phát huy tính tích cực, độc lập nhận thức; phát triển tư duy sáng tạo ở học sinh như dạy học khám phá, dạy học giải quyết vấn đề, phương pháp trò chơi,...
- Hình thành và phát triển kĩ năng thực hành; phát triển khả năng giải quyết vấn đề trong thực tế cuộc sống như phương pháp thực hành, phương pháp thực nghiệm...

Chiều hướng lựa chọn và sử dụng các PPDH, KTDH mới, tiên tiến nhằm phát triển phẩm chất, năng lực không tách rời nhau mà bổ sung cho nhau trong quá trình phát triển phẩm chất/năng lực người học. Do đó, không quan trọng việc các PPDH và KTDH thuộc về chiều hướng này hay chiều hướng kia mà quan trọng là việc lựa chọn được các PPDH và kĩ thuật dạy học phù hợp với khả năng của học sinh, của GV; tính chất của hoạt động cụ thể trong kế hoạch dạy học, điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường, địa phương nhằm đạt được mục tiêu đã đề ra.

Phân loại PPDH theo ba bình diện của PPDH

Ba bình diện của phương pháp dạy học	Ví dụ
Quan điểm dạy học (PPDH nghĩa rộng) là những định hướng tổng thể cho các hành động, thường dựa trên các lí thuyết học tập hoặc cơ sở lí luận dạy học chuyên ngành.	Dạy học lấy người học làm trung tâm, dạy học giải quyết vấn đề, dạy học khám phá, dạy học hợp tác, dạy học có ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông,...
Phương pháp dạy học (PPDH nghĩa hẹp) là cách thức hoạt động của GV và HỌC SINH, trong điều kiện dạy học xác định, nhằm đạt được mục tiêu dạy học.	Thuyết trình, đàm thoại, trực quan, thực hành, thảo luận, nghiên cứu trường hợp, đóng vai,...
KTDH là những cách thức hành động của GV và học sinh trong các tình huống nhỏ nhằm thực hiện và điều chỉnh quá trình dạy học.	Công não, phòng tranh, mảnh ghép, sơ đồ tư duy, khăn trải bàn, KWL, KWLH,...

So sánh dạy học tiếp cận nội dung và dạy học phát triển PC, NL

Tiêu chí	Dạy học tiếp cận nội dung	Dạy học phát triển PC, NL
Về mục tiêu dạy học	– Chú trọng hình thành kiến thức, kĩ năng, thái độ khá rõ. – Mục tiêu học để thi, học để hiểu biết được ưu tiên.	– Chú trọng hình thành PC & NL. – Lấy mục tiêu học để làm, học để cùng chung sống làm trọng.
Về nội dung dạy học	– Nội dung được lựa chọn dựa trên hệ thống tri thức khoa học chuyên ngành là chủ yếu. – Nội dung được quy định khá chi tiết trong chương trình. – Chú trọng hệ thống kiến thức lí thuyết, sự phát triển tuần tự của khái niệm, định luật, học thuyết khoa học. – Sách giáo khoa được trình bày liền mạch thành hệ thống kiến thức.	– Nội dung được lựa chọn dựa trên yêu cầu cần đạt được về PC, NL. – Chỉ xác lập các cơ sở để lựa chọn nội dung trong chương trình. – Chú trọng nhiều hơn đến các kĩ năng thực hành, vận dụng lí thuyết vào thực tiễn. – Sách giáo khoa không trình bày hệ thống kiến thức mà phân nhánh và khai thác các chuỗi chủ đề để gợi mở tri thức, kĩ năng.

Về phương pháp dạy học	– GV chủ yếu là người truyền thụ tri thức; học sinh lắng nghe, tham gia và thực hiện các yêu cầu tiếp thu tri thức được quy định sẵn. Khá nhiều GV sử dụng các PPDH (thuyết trình, hướng dẫn thực hành, trực quan...). Việc sử dụng PPDH theo định hướng của GV là chủ yếu. – Khá nhiều học sinh tiếp học sinh thụ thiếu tính chủ động, HS chưa có nhiều điều kiện, cơ hội tìm tòi, khám phá vì kiến thức thường được quy định sẵn. – Kế hoạch dạy học thường được thiết kế tuyến tính, các nội dung và hoạt động dùng chung cho cả lớp; PPDH, KTDH để có sự lặp lại, quen thuộc.	– GV là người tổ chức các hoạt động, hướng dẫn học sinh tự tìm tòi, chiếm lĩnh tri thức, rèn luyện kĩ năng; chú trọng phát triển khả năng giải quyết vấn đề, khả năng giao tiếp,... GV sử dụng nhiều PPDH, KTDH tích cực (giải quyết vấn đề, hợp tác, khám phá,...) phù hợp với yêu cầu cần đạt về PC & NL của người học. – Học sinh chủ động tham gia hoạt động, có nhiều cơ hội được bày tỏ ý kiến, tham gia phản biện, tìm kiếm tri thức, kĩ năng. – Kế hoạch dạy học thường được thiết kế tuyến tính, các nội dung và hoạt động dùng chung cho cả lớp; PPDH, KTDH để có sự lặp lại, quen thuộc. dựa vào trình độ và NL của học sinh; PPDH, KTDH đa dạng, phong phú, được lựa chọn dựa trên các cơ sở khác nhau để triển khai kế hoạch dạy học.
Về môi trường học tập	GV thường ở vị trí phía trên, trung tâm lớp học và các dãy bàn ít được bố trí theo nhiều hình thức khác nhau.	Môi trường học tập có tính linh hoạt, phù hợp với các hoạt động học tập của học sinh, chú trọng yêu cầu cần phát triển ở học sinh để đa dạng hoá hình thức bàn ghế, bố trí phương tiện dạy học.
Về đánh giá	– Tiêu chí đánh giá chủ yếu được xây dựng dựa trên sự ghi nhớ nội dung đã học, chưa quan tâm nhiều đến khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn. – Quá trình đánh giá chủ yếu do GV thực hiện.	– Tiêu chí đánh giá dựa vào kết quả “đầu ra”, quan tâm tới sự tiến bộ của người học, chú trọng khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn, các PC & NL cần có. – Người học được tự đánh giá và được tham gia vào đánh giá lẫn nhau,...
Về sản phẩm giáo dục	– Người học chủ yếu tái hiện các tri thức, phải ghi nhớ phụ thuộc vào tài liệu và sách giáo khoa có sẵn. – Việc chú ý đến khả năng ứng dụng chưa nhiều nên yêu cầu về tính năng động, sáng tạo vẫn còn hạn chế.	– Người học vận dụng được tri thức, kĩ năng vào thực tiễn, khả năng tìm tòi trong quá trình dạy học đã được phát huy nên NL ứng dụng cũng có cơ hội phát triển. – Chú ý đến khả năng ứng dụng nhiều nên sự năng động, tự tin ở học sinh biểu hiện rõ.

3.1.2. Hướng dẫn và gợi ý phương pháp, hình thức tổ chức dạy học/ tổ chức hoạt động. Yêu cầu đối với GV khi lựa chọn phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực

1. GV tổ chức hoạt động học cho học sinh	Lựa chọn các phương pháp, KTDH và giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực phù hợp, hấp dẫn.
	Thiết kế, tổ chức chuỗi hoạt động học để học sinh chủ động tham gia và thực hiện các nhiệm vụ học tập khám phá vấn đề, hoạt động luyện tập và hoạt động thực hành.
	Xác định rõ các yếu tố: mục tiêu hoạt động, nội dung hoạt động, sản phẩm học tập, cách thức tiến hành, phương án kiểm tra đánh giá mức độ đạt được mục tiêu của học sinh.
	Khả năng theo dõi, quan sát, phát hiện kịp thời những khó khăn của học sinh.
	Mức độ phù hợp, hiệu quả của các biện pháp hỗ trợ và khuyến khích học sinh hợp tác, giúp đỡ nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập.
	Mức độ hiệu quả hoạt động của GV khi tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả hoạt động của học sinh.
2. Hoạt động của học sinh	Khả năng tiếp nhận và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của tất cả học sinh trong lớp.
	Biết cách xây dựng kế hoạch học tập, bồi dưỡng năng lực tự học, giúp cho học sinh có thể chủ động học tập suốt đời, học tập để khẳng định phẩm chất, năng lực và để cống hiến.
	Mức độ tích cực, chủ động, sáng tạo, hợp tác của học sinh trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập, chú trọng rèn luyện cho học sinh phương pháp học tập, nghiên cứu.
	Mức độ tham gia tích cực của học sinh trong trình bày, trao đổi, thảo luận về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập, phối hợp học tập cá thể với học tập hợp tác.
	Mức độ đúng đắn, chính xác, phù hợp của các kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh.

Gợi ý cho GV khi lựa chọn phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực để tiếp cận nội dung mới.

3.1.2.1 Dạy học hợp tác

Sử dụng dạy học hợp tác trong dạy học Lịch sử không chỉ giúp phát triển năng lực giao tiếp, hợp tác, tự học, tự chủ cho học sinh mà còn tạo cơ hội để hình thành và phát triển năng lực lịch sử cho học sinh.

Khi sử dụng dạy học hợp tác, GV cần lưu ý:

– Dạy học hợp tác nên dùng để tổ chức những nhiệm vụ học tập phức tạp, đòi hỏi phải huy động kiến thức, kinh nghiệm của nhiều HS hoặc là một vấn đề mà học sinh cần tranh luận, thảo luận. Nhiệm vụ học tập GV đưa ra cho học sinh phải đủ độ khó để học sinh suy nghĩ, hợp tác, thảo luận giải quyết nhiệm vụ. Nếu nhiệm vụ quá dễ sẽ làm cho hoạt động nhóm nhàm chán và chỉ mang tính hình thức.

– Trong dạy học hợp tác, khi giao nhiệm vụ cho học sinh, GV cần giải thích, hướng dẫn rõ ràng để đảm bảo các nhóm hiểu đúng nhiệm vụ cần thực hiện. Nhiệm vụ được giao phải phù hợp và cần huy động sự tham gia của cả nhóm, tạo sự tương tác giữa các thành viên.

– Cách đánh giá trong dạy học hợp tác phải cụ thể, rõ ràng, làm sao vừa ghi nhận được sự cố gắng của mỗi cá nhân trong nhóm, vừa thấy được sự đóng góp, ảnh hưởng mỗi thành viên trong kết quả chung của nhóm.

– Các mức độ của dạy học hợp tác:

+ Mức độ cộng tác: GV vẫn giữ quyền kiểm soát tiến trình dạy học và nội dung dạy học. Các nhóm học tập được tổ chức để hoàn thành những nhiệm vụ học tập mà GV đề ra, tìm kiếm câu trả lời cho những đáp án mà GV đã định trước.

+ Mức độ hợp tác: GV trao quyền chủ động cho học sinh. học sinh được tham gia và quyết định cách thức, tiến trình học tập. GV chỉ là người hỗ trợ, hướng dẫn khi cần thiết.

– Trong phân môn Lịch sử, dạy học hợp tác có thể thực hiện ở một số hình thức như sau: thảo luận nhóm, seminar, tranh luận, đóng vai. Trong đó, thảo luận nhóm được xem là hình thức cơ bản và đơn giản nhất trong dạy học hợp tác. Để hoạt động nhóm diễn ra hiệu quả thì GV cần lưu ý: (1) Chia nhóm vừa đủ nhỏ (4–5 thành viên/nhóm) để có thể hoàn thành nhiệm vụ trong thời gian ngắn và đảm bảo mọi thành viên đều có thể đóng góp ý kiến; (2) Thời gian thảo luận đủ dài để các thành viên được trình bày ý kiến; (3) Nội dung thảo luận nên chọn lọc để đảm bảo cần đến sự trao đổi, hợp tác của nhiều người; (4) Không gian thảo luận cần đảm bảo cho các thành viên có thể nhìn và nghe thấy nhau; (5) Nhiệm vụ của mỗi thành viên cần rõ ràng để tránh y lại vào thành viên khác. Ở mức độ cộng tác, HS được giao sẵn chủ đề nội dung thảo luận; ở mức độ hợp tác, HS tự đề xuất vấn đề thảo luận và tiến hành thảo luận.

*** Ví dụ minh họa:**

Nhiệm vụ: Phân biệt cách thức lao động của người tối cổ và người tinh khôn.

– *Bước 1:* GV chia lớp thành 4 nhóm, giao nhiệm vụ cho học sinh: Cho học sinh xem 6 bức hình sau (GV phải in ra mỗi nhóm 6 bức ảnh trong trang 26 SGK bài 4). Phát 6 bức tranh vẽ cho mỗi nhóm. Yêu cầu học sinh kết hợp với các thông tin có trong bài học số 4: Xã hội nguyên thủy để sắp xếp các hình vẽ theo hai chủ đề: Cách thức lao động của Người tối cổ và Cách thức lao động của Người khôn ngoan. Đề nghị mỗi nhóm chia làm hai: một nửa trong vai Người tối cổ và một nửa trong vai Người tinh khôn.

– *Bước 2:* Học sinh làm việc nhóm trả lời câu hỏi vào phiếu học tập, chuẩn bị báo cáo kết quả trước lớp; xác định nội dung, cách trình bày kết quả.

– *Bước 3:* GV yêu cầu một nhóm lên trình bày kết quả. Đại diện Người tối cổ dán ba bức vẽ lên bảng và đại diện Người tinh khôn dán ba bức vẽ còn lại. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung theo kĩ thuật “321” (3 lời khen dành cho đội bạn, 2 điều muốn góp ý thêm và 1 câu hỏi liên quan đến sản phẩm báo cáo).

– *Bước 4:* GV nhận xét, chốt lại kiến thức cơ bản.

Ví dụ minh họa trên được áp dụng trong bài 4 – Xã hội nguyên thủy, thực hiện theo yêu cầu cần đạt: Trình bày được những nét chính về đời sống của con người thời Nguyên thủy.

Thông qua việc vận dụng PP dạy học hợp tác trong ví dụ trên, học sinh sẽ hình thành được thành phần năng lực *tìm hiểu lịch sử* (cụ thể là khai thác và sử dụng được tư liệu lịch sử trong quá trình học tập; nhận biết và khai thác được những thông tin có trong 6 bức vẽ minh họa); năng lực *nhận thức và tư duy lịch sử* (biết kết hợp với kiến thức có trong bài học, phán đoán. Lập luận dựa trên hình ảnh, đưa ra được những ý kiến nhận xét về sự khác nhau và sự tiến triển trong cách thức lao động của người nguyên thủy).

3.1.2.2. Dạy học giải quyết vấn đề

– Dạy học giải quyết vấn đề không phải là một PPDH cụ thể, mà là nguyên tắc chỉ đạo cho việc sử dụng nhiều PPDH khác nhau, được lồng ghép và vận dụng ở mọi khâu trong QTDH. Trong phân môn Lịch sử, dạy học giải quyết vấn đề có thể áp dụng cho cả hình thức dạy học nội khóa, ngoại khóa và dạy học trải nghiệm. Khi tham gia giải quyết vấn đề, HS có cơ hội để phát triển những năng lực chung như năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực tự chủ và tự học nếu các em tự lực tham gia và lập kế hoạch giải quyết vấn đề. Bên cạnh đó, trong quá trình tham gia giải quyết vấn đề của môn Lịch sử, HS sẽ được phát triển các thành phần năng lực lịch sử đó là: tìm hiểu lịch sử, nhận thức và tư duy lịch sử.

– Dạy học giải quyết vấn đề sử dụng trong trường hợp yêu cầu HS nhận thức một cách sâu sắc, hệ thống những chủ đề, vấn đề lịch sử nhằm phát triển phẩm chất, năng lực cho HS. Dạy học giải quyết vấn đề đòi hỏi cả GV và HS phải có nhiều thời gian hơn so với các PPDH thông thường.

– GV cần có những hiểu biết sâu sắc và thuần thục các nguyên tắc của dạy học giải quyết vấn đề, cũng như việc vận dụng phối hợp các PPDH tích cực trong dạy học nhằm tổ chức, hướng dẫn HS giải quyết các vấn đề, nhiệm vụ học tập.

– Khi vận dụng dạy học giải quyết vấn đề trong DH lịch sử, GV cần chú ý lựa chọn mức độ cho phù hợp với trình độ nhận thức của HS và nội dung cụ thể của mỗi chủ

để (bài học). Các mức độ của dạy học giải quyết vấn đề gồm có: mức 1– GV nêu và giải quyết vấn đề; mức 2– GV nêu vấn đề, đưa ra giải pháp và gợi ý HS rút ra kết luận; mức độ 3– GV nêu vấn đề và gợi ý HS tìm cách giải quyết vấn đề; mức 4– GV cung cấp thông tin, HS tự phát hiện vấn đề, tự lực giải quyết và rút ra kết luận.

*** Ví dụ minh họa:** Áp dụng DH giải quyết vấn đề đối với YCCĐ “Trình bày được những tác động của điều kiện tự nhiên đối với sự hình thành nền văn minh Ai Cập cổ đại”.

– Bước 1: Định hướng

GV đưa người học vào tình huống có vấn đề, tình huống có vấn đề ở đây là những dòng thơ bắt đầu trong một bài ca cổ có từ thiên niên kỉ III TCN ở Ai Cập cổ đại “ Vinh danh thay người sông Nile vĩ đại! Người đến từ đất và mang đến sự sống cho Ai Cập”. Tình huống có vấn đề cũn có thể bắt đầu bằng nhận định của nhà sử học Hérodote: “*Ai Cập là tặng phẩm của sông Nile.*” GV đặt vấn đề bằng việc giới thiệu về vị trí của Ai Cập cổ đại trên lược đồ. Sau đó, GV đặt ra vấn đề cho các nhóm HS giải quyết thông qua câu hỏi: *Em có đồng tình với nhận định trên không? (hay bài thơ cổ trên); Theo em “Điều kiện địa lý tự nhiên tác động như thế nào đến sự hình thành và phát triển của Ai Cập thời cổ đại?”.*

– Bước 2: Lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch giải quyết vấn đề

Đề xuất giả thuyết giải quyết vấn đề. GV sẽ đưa ra hai giả thuyết để HS nghiên cứu và giải quyết vấn đề:

+ Giả thuyết thứ nhất: Điều kiện tự nhiên, cụ thể là sông Nile thực tế có tác động ít đến sự hình thành văn minh Ai Cập cổ đại.

+ Giả thuyết thứ hai: Điều kiện tự nhiên, cụ thể là sông Nile tác động lớn đến sự hình thành và phát triển của Ai Cập thời cổ đại như tài liệu cổ ghi lại.

Lập kế hoạch để giải quyết vấn đề theo giả thuyết đã đặt ra. HS được chia làm 2 nhóm lớn để nghiên cứu về hai giả thuyết để tìm câu trả lời cho vấn đề đặt ra. HS thảo luận để xây dựng kế hoạch giải quyết vấn đề đặt ra. GV có thể cung cấp một vài gợi ý về cách tiếp cận từng giả thuyết thông qua hình ảnh trực quan lược đồ 6.1 (lược đồ lược đồ Ai Cập cổ đại; những vùng quần cư, những trung tâm vương quốc dọc hai bên sông giữa vùng sa mạc mênh mông,...); sơ đồ 6.2 (mực nước trên sông Nile theo mùa, ảnh hưởng đối với sản xuất nông nghiệp,...); hình 6.3 (di chuyển trên sông Nile, giấy Papyrut, lượng thuỷ sản trên sông,...) và tài liệu tham khảo. GV sử dụng PPDH hợp tác kết hợp kĩ thuật công não và kĩ thuật khăn phủ bàn để tổ chức hoạt động giải quyết vấn đề cho HS.

– Bước 3: Kiểm tra, đánh giá và kết luận

Các nhóm trình bày kết quả nghiên cứu, đưa ra lí lẽ để lập luận cho giả thuyết của nhóm mình. GV ghi nhận tất cả những ý kiến.

Kết thúc quá trình thảo luận, tranh luận, GV cung cấp thông tin, kiến thức để lí giải điều kiện tự nhiên, đặc biệt sông Nile đã có tác động lớn đến kinh tế, chính trị, xã hội Ai Cập cổ đại, là tiền đề cho sự phát triển của nền văn minh Ai Cập.

Ví dụ trên có thể áp dụng trong bài số 6 – Ai Cập cổ đại, cho yêu cầu cần đạt 1. Kết quả đạt được sau khi triển khai phương pháp giải quyết vấn đề:

+ *Phát triển năng lực tìm hiểu lịch sử* (giải mã lược đồ Ai Cập cổ đại – điều kiện tự nhiên, các trung tâm chính của lịch sử Ai Cập cổ đại, các khu đền tháp quan trọng; giải mã hình 6.2 – để hiểu rõ sông Nile tác động thế nào đến đời sống sản xuất nông nghiệp của người dân; giải mã hình 6.3 để hiểu khái niệm thuyền xuôi dòng trên sông Nile và sông Nile, tạo hình ảnh trong trí nhớ học sinh về giữa một vùng sa mạc mênh mông, có một dòng sông mang đến phù sa, thủy sản, cây papyrus,... Những điều kiện thuận lợi cho một nền văn minh biệt lập.

+ *Phát triển năng lực nhận thức và tư duy lịch sử.*

Từ việc cho HS quan sát bản đồ của Ai Cập cổ đại, GV hướng sự chú ý của các em vào sông Nile chảy giữa một vùng sa mạc mênh mông. Đặt vấn đề để học sinh thảo luận: Ai Cập nhận nước từ đâu? Sau đó giúp học sinh hiểu khái niệm Thượng Ai Cập (nằm trên vùng đất cao hơn) và Hạ Ai Cập (vùng đất thấp hơn, sát với biển).

Gợi ý trả lời: nguồn nước thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, nguồn lương thực thủy sản, tuyến đường giao thông chủ yếu.

3.1.2.3. Dạy học trực quan

Phương pháp dạy học trực quan là phương pháp dùng các phương tiện trực quan làm công cụ để giáo viên tác động vào nhận thức ban đầu của học sinh, mang cảm tính và trực giác nhiều hơn là tư duy, suy luận, nhưng hết sức quan trọng đối với phân môn Lịch sử.

Phương tiện, đồ dùng trực quan trong phân môn Lịch sử được chia thành 3 nhóm, mỗi nhóm gồm nhiều loại. Cụ thể là nhóm đồ dùng trực quan hiện vật (di tích lịch sử, di chỉ khảo cổ, các di vật lịch sử như công cụ sản xuất, vũ khí,...), nhóm đồ dùng trực quan tạo hình (vật phục chế, tranh ảnh, mô hình, sa bàn, phim, video,...), nhóm đồ dùng trực quan quy ước (bản đồ, biểu đồ, sơ đồ, niên biểu,...).

PPDH trực quan trong dạy học Lịch sử được sử dụng nhằm tạo cảm hứng học tập, khơi dậy, tăng cường khả năng hoạt động của các giác quan, giúp HS có các biểu tượng lịch sử để phục dựng “bức tranh” của quá khứ, góp phần phát triển thành phần năng lực tìm hiểu lịch sử. Trên cơ sở đó tạo điều kiện cho GV hướng dẫn các em đi sâu tìm hiểu bản chất của các sự kiện, quá trình lịch sử, góp phần phát triển thành phần năng lực “nhận thức và tư duy” lịch sử.

*** Ví dụ minh họa: Sử dụng sơ đồ 9.4, bài Trung Quốc, trang 49 như sau:**

– **Bước 1:** GV xác định mục đích sử dụng tài liệu phù hợp với YCCĐ (mô tả được sơ lược quá trình thống nhất Trung Quốc và bước đầu xác lập chế độ phong kiến Trung Quốc); giải quyết một vấn đề khó (phức tạp với học sinh lớp 6) và khó diễn tả bằng lời (quá trình thống nhất không chỉ đơn giản là quá trình thống nhất lãnh thổ).

– **Bước 2:** GV giao nhiệm vụ học tập cho HS : Quan sát tư liệu 9.4 mô tả những gì em nhìn thấy trong tư liệu.(HS có thể trả lời phiếu học tập hoặc thảo luận hay thuyết trình nhóm...).. Những thông tin lịch sử rút ra từ sơ đồ.

– **Bước 3:** GV tổ chức cho học sinh trình bày kết quả.

– **Bước 4:** GV nhận xét đánh giá (Lưu ý là sơ đồ nên hình ảnh mang tính tượng trưng, không mô tả vật thật. Tuy nhiên, hình ảnh, nhân vật thì phải được vẽ minh họa dựa trên tư liệu lịch sử).

3.1.2.4. Phương pháp dạy học dự án

Tuỳ vào thực tiễn địa phương, điều kiện học tập và năng lực học sinh, GV thiết kế nội dung và quy mô dự án phù hợp.

*** Ví dụ minh họa:**

– **Mục tiêu dự án:** HS nêu được những thành tựu chủ yếu về văn hoá ở Ai Cập (Yêu cầu cần đạt của bài Ai Cập cổ đại).

– **Tên dự án:** Cuộc thi tìm hiểu về văn hoá Ai Cập cổ đại.

– **Nhiệm vụ của học sinh:** tổ chức một cuộc thi tìm hiểu về đất nước Ai Cập cổ đại

– **Phân chia nhiệm vụ của các nhóm:**

+ **Nhóm 1:** xây dựng kịch bản cuộc thi và công tác chuẩn bị cho cuộc thi, công cụ và giải thưởng.

+ **Nhóm 2 và nhóm 3:** chuẩn bị bộ câu hỏi về cuộc thi dưới 2 dạng trắc nghiệm và tự luận. Nội dung câu hỏi xoay quanh những kiến thức về đất nước Ai Cập cổ đại. Cử người dẫn chương trình cuộc thi.

+ **Nhóm 4 và nhóm 5:** cử thành viên tham gia.

+ **Nhóm 6:** ghi lại toàn bộ cuộc thi, chụp hình (nếu có công cụ), viết một bài để báo cáo về cuộc thi.

– **Sản phẩm:** học sinh tự tổ chức được Cuộc thi tìm hiểu về văn hoá Ai Cập cổ đại, cuộc thi tạo được tính hứng khởi, sôi nổi khi tham gia, các thành viên được phân nhiệm vụ cụ thể và hoàn thành các nhiệm vụ được giao dưới sự hướng dẫn của giáo viên, đảm bảo được chuẩn đầu ra: học sinh nêu được những thành tựu chủ yếu về văn hoá ở Ai Cập cổ đại.

3.2. Phần Địa lí

3.2.1. Xu hướng chung

Xu hướng chủ đạo về phương pháp dạy học trong cuốn sách này là quy nạp. HS sẽ tham gia các hoạt động học tập, hoàn thành các nhiệm vụ học tập và tự khám phá dưới sự định hướng, hỗ trợ của giáo viên để tự tiếp nhận được kiến thức, kĩ năng cần thiết. Từ việc tự nhận thức đó, HS sẽ tự phát biểu, trình bày, thể hiện các kiến thức, kĩ năng này theo cách hiểu của mình. Nghĩa là, HS sẽ học được kiến thức, kĩ năng thông qua việc thực hiện các hoạt động học tập, hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

3.2.2. Một số yêu cầu cơ bản

Tập trung chú trọng một số phương pháp dạy học theo hướng:

- + Đảm bảo tính tích cực của người học khi tham gia vào hoạt động học tập
- + Chú trọng rèn luyện cho HS phương pháp tự học. Tạo điều kiện cho HS chủ động thể hiện khả năng tìm tòi, khám phá, phát huy tính tự giác, tự học.
- + Tăng cường cho học sinh những hoạt động thực hành, trải nghiệm, chú trọng đến mục tiêu HS biết làm gì từ những điều đã học. HS phải được tự tìm tòi, khám phá tri thức dựa vào khả năng của bản thân, sở thích và mối quan tâm riêng. HS phải làm chủ tri thức và vận dụng được vào thực tế.
- + Tăng cường phối hợp học tập cá thể với học tập hợp tác.
- + Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông, sử dụng hiệu quả các thiết bị dạy học như bảng số liệu thống kê, bản đồ, sơ đồ, phim video, các phiếu học tập, các phần mềm dạy học.

3.2.3. Hướng dẫn và gợi ý một số phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, tổ chức hoạt động

3.2.3.1. Dạy học trực quan

Dạy học trực quan là cách thức mà GV sử dụng những phương tiện trực quan làm công cụ hỗ trợ HS hình thành, phát triển năng lực và phẩm chất.

Phương tiện trực quan là tất cả những phương tiện được sử dụng trong quá trình dạy học giúp chuyển biến nội dung hình thành mục tiêu dạy học.

Phương tiện trực quan sử dụng trong dạy học Địa lí 6 gồm nhiều loại như: bản đồ, sơ đồ, bảng số liệu, biểu đồ, tranh ảnh, mô hình, mẫu vật,... Trong dạy học Địa lí, GV sử dụng các phương tiện trực quan để tổ chức hoạt động học tập nhằm hình thành các biểu tượng cụ thể về sự vật, hiện tượng địa lí, hình thành khái niệm địa lí thông qua sự tri giác trực tiếp bằng các giác quan của người học. Nhờ vậy, học sinh có thể nhận diện các khái niệm, giải thích các sự vật, hiện tượng địa lí, các mối quan hệ nhân quả địa lí một cách chính xác và đầy đủ.

*** Lưu ý:** GV chú ý sử dụng như một nguồn tri thức cho học sinh khai thác (có thể kết hợp với các phương pháp như đàm thoại gợi mở hoặc đàm thoại nêu vấn đề); GV nên tận dụng hệ thống kênh hình trong sách, hướng dẫn HS khai thác để hình thành kiến thức mới từ đó phát triển năng lực cho HS; phương pháp này có thể được sử dụng với tất cả các bài trong phần Địa lí 6.

Ví dụ minh họa:

Bài 16. THỦY QUYỀN, VÒNG TUẦN HOÀN NƯỚC, NƯỚC NGẦM, BĂNG HÀ

Khai thác hình 16.2. Nước trên Trái Đất (tranh), GV đặt câu hỏi: Quan sát hình 16.2 em hãy cho biết nước có ở đâu? GV có thể cho HS làm việc nhóm, hoặc cá nhân quan sát hình để trả lời câu hỏi trên. Có thể sử dụng các câu hỏi bổ trợ (Xác định các đối tượng có trong hình: sông, hồ, biển, nước ngầm, mây, băng, tuyết; trả lời câu hỏi chính Nước có ở đâu?, từ đó có thể trả lời được câu hỏi đồng thời cũng là một yêu cầu cần đạt trong bài: Các thành phần chủ yếu của thủy quyền).

Cũng trong bài 16, hình 16.3. Vòng tuần hoàn nước (Sơ đồ), hình 16.4. Tỷ lệ các loại nước trên Trái Đất (Biểu đồ), GV có thể thiết kế hệ thống câu hỏi tương tự trên cơ sở câu hỏi trong SGK, hướng dẫn HS khai thác phương tiện trực quan trong bài, hình thành kiến thức mới. Đó cũng là một trong những cách thức hiệu quả hình thành và phát huy khả năng tự học cho HS.

Hệ thống kênh hình khác trong bài (bảng số liệu thống kê, bản đồ) cùng với hệ thống câu hỏi kèm theo tạo điều kiện tốt hỗ trợ cho GV hướng dẫn HS khai thác tri thức với hình thức dạy học cá nhân hoặc nhóm nhỏ.

3.2.3.2. Dạy học hợp tác

Là hình thức tổ chức dạy học, trong đó học sinh làm việc theo nhóm để cùng nghiên cứu, trao đổi ý tưởng và giải quyết vấn đề đặt ra.

Một số đặc điểm của dạy học hợp tác: có hoạt động xây dựng nhóm; có sự phụ thuộc tương tác lẫn nhau một cách tích cực; có ràng buộc cá nhân, ràng buộc nhóm; hình thành và phát triển kỹ năng hợp tác.

Dạy học hợp tác thường được sử dụng kết hợp với các phương pháp thảo luận, tranh luận, dạy học giải quyết vấn đề,... trong đó HS cần cộng tác với nhau để giải quyết những nhiệm vụ học tập tổng hợp. Dạy học hợp tác có thể áp dụng để tiến hành tổ chức hoạt động nghiên cứu kiến thức mới trong bài dạy nội khoá địa lí hay trong dạy học ngoại khoá, hoặc tổ chức dạy học dự án.

*** Lưu ý:** GV cần hiểu rõ bản chất của dạy học hợp tác, tránh hình thức, hời hợt. Nhiệm vụ học tập GV đưa ra cho HS phải đủ độ khó để HS suy nghĩ, hợp tác, thảo luận giải quyết nhiệm vụ, nếu nhiệm vụ quá dễ sẽ làm cho hoạt động nhóm nhàm chán và chỉ mang tính hình thức.

Ví dụ minh họa:

Bài 22. Dân số và sự phân bố dân cư

Các bước	Nội dung
Giai đoạn 1. Thiết kế kế hoạch bài học áp dụng dạy học hợp tác	
Từ mục tiêu bài học xác định nội dung cần tổ chức dạy học hợp tác	Trong bài học này có các mục tiêu: 1) Đọc được biểu đồ quy mô dân số thế giới; 2) Trình bày được đặc điểm cơ bản của bức tranh phân bố dân cư thế giới; 3) Giải thích được những nguyên nhân chính tạo nên đặc điểm phân bố dân cư; 4) Xác định được trên bản đồ một số thành phố đông dân nhất thế giới. Mục tiêu thứ 3 được lựa chọn để tổ chức hoạt động học tập hợp tác vì lí do sau: – Đây là một nội dung mở, HS có nhiều hiểu biết trước đó cho nên cần một hoạt động thảo luận nhóm nhằm huy động kiến thức của HS để giải quyết vấn đề.
Xác định phương pháp, KTDH	– GV có thể sử dụng phương pháp thảo luận và phương pháp đàm thoại gợi mở trong trường hợp này: + Các nhóm sẽ thảo luận có định hướng thông qua các câu hỏi do GV đặt ra <i>Vi sao dân cư thế giới phân bố không đồng đều?</i> Điều kiện tự nhiên đã tác động như thế nào đến bức tranh phân bố dân cư thế giới? Điều kiện kinh tế – xã hội đã tác động như thế nào đến bức tranh phân bố dân cư thế giới? <i>Ảnh hưởng của lịch sử di cư, định cư và các chiến lược phân bố dân cư của các quốc gia, vùng lãnh thổ?...</i> – Phương pháp đàm thoại gợi mở được sử dụng khi các nhóm trình bày kết quả thảo luận. – Kỹ thuật dạy học GV có thể lựa chọn trong trường hợp này là kỹ thuật “khăn trải bàn”.
Thành lập nhóm và dự kiến tổ chức nhóm	– GV có thể chia nhóm một cách ngẫu nhiên gồm những HS ngồi cạnh nhau, mỗi nhóm khoảng 4 – 6 HS để phù hợp với kỹ thuật dạy học đã chọn. – Chọn một nhóm trưởng để các em có trách nhiệm tổng hợp ý kiến của cả nhóm sau khi thảo luận, và phân công các nhiệm vụ cho các thành viên còn lại trong nhóm.
Thời gian	– Dự kiến thời gian thảo luận là 8, trong đó 3 phút làm việc độc lập, 5 phút tổng hợp kết quả và tạo sản phẩm; và thời gian trình bày là 7 phút.



Thiết kế đánh giá	– Đánh giá dựa vào sản phẩm, tức là kết quả thảo luận về cả nội dung và hình thức. + Nội dung: mức độ đầy đủ, chi tiết, thuyết phục về câu trả lời cho câu hỏi GV đặt ra. + Hình thức: sự sáng tạo, đa dạng, thẩm mỹ trong cách thể hiện sản phẩm.
Giai đoạn 2. Tổ chức dạy học hợp tác	
Nhập đề	– GV giới thiệu nội dung và đặt vấn đề cho hoạt động thảo luận dưới hình thức học tập hợp tác. Sau khi chứng minh về bức tranh phân bố dân cư không đồng đều trên thế giới, GV đặt ra câu hỏi: <i>Vì sao dân cư thế giới phân bố không đồng đều?</i> – GV tiến hành chia nhóm và hướng dẫn cách thức thảo luận theo kĩ thuật khăn trải bàn, phân công nhiệm vụ, ấn định thời gian và cách thức trình bày sản phẩm.
Hợp tác	HS thảo luận theo hướng dẫn và quy trình của kĩ thuật khăn trải bàn, GV quan sát, di chuyển trong lớp học để hỗ trợ các nhóm và những HS gặp khó khăn. Trong bước này, GV chú ý kiểm soát thời gian và tốc độ hoàn thành nhiệm vụ của các nhóm nhất là thời gian kết thúc làm việc cá nhân chuyển qua thảo luận và thời gian thảo luận để hoàn thành sản phẩm.
Trình bày kết quả	– GV chỉ nên mời một nhóm trình bày kết quả để làm cơ sở cho hoạt động thảo luận toàn lớp, các nhóm khác bổ sung những ý chưa được đề cập tới hoặc làm rõ thêm vấn đề được nêu ra (vì yếu tố thời gian). – GV hệ thống lại toàn bộ nội dung thảo luận dựa trên sản phẩm của nhóm trình bày. – Thu kết quả thảo luận của các nhóm để đánh giá sau giờ học.

3.2.3.3. Dạy học dự án

Dạy học dựa trên dự án là cách thức tổ chức dạy học, trong đó học sinh thực hiện một nhiệm vụ học tập phức hợp, có sự kết hợp giữa lí thuyết và thực hành, tạo ra các sản phẩm có thể giới thiệu, trình bày.

Ba đặc điểm quan trọng nhất của dạy học dự án cần phải đảm bảo khi thực hiện là: định hướng thực tiễn; định hướng vào người học và định hướng sản phẩm

Dạy học dự án thường được tiến hành qua 3 giai đoạn: giai đoạn chuẩn bị, giai đoạn thực hiện (đề xuất ý tưởng và chọn đề tài dự án, chia nhóm nhận nhiệm vụ, lập kế hoạch thực hiện); giai đoạn báo cáo dự án.

– Dạy học dựa trên dự án vận dụng tổng hợp các phương pháp dạy học để tổ chức, chính vì thế nó có khả năng phát triển toàn diện các phẩm chất và năng lực cho HS, cụ thể: phẩm chất trách nhiệm, trung thực, năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải

quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực hợp tác, năng lực tìm hiểu lịch sử và địa lí, năng lực nhận thức và tư duy lịch sử, địa lí, năng lực vận dụng kiến thức và kĩ năng lịch sử, địa lí vào thực tiễn.

Dạy học dựa trên dự án tốn rất nhiều thời gian, vì thế cần cân nhắc về số lượng các dự án học tập trong một năm học, kết hợp linh hoạt thời gian trên lớp và thời gian ngoài lớp, ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin và truyền thông trong tổ chức cho HS thực hiện,... là những giải pháp hữu hiệu để khắc phục hạn chế này.

Dạy học dựa trên dự án đòi hỏi nhiều sự đầu tư về cơ sở vật chất, tuy nhiên ở những điều kiện dạy học tối thiểu vẫn hoàn toàn có thể áp dụng phương pháp này bằng việc lựa chọn hình thức HS thể hiện sản phẩm phù hợp với điều kiện kinh tế của nhà trường, lựa chọn những nội dung gắn với thực tế địa phương,...

Ví dụ minh họa:

Phần Địa lí có hai bài thực hành (21, 24) được viết theo hướng các dự án học tập với những yêu cầu và hướng dẫn đơn giản, cụ thể phù hợp với khả năng của HS lớp 6. Dưới đây là phần giới thiệu một số nét khái quát của bài 24.

Bài 24. TÁC ĐỘNG CỦA CON NGƯỜI ĐẾN THIÊN NHIÊN

Các giai đoạn	Nội dung
Giai đoạn chuẩn bị	- Lựa chọn chủ đề: xác định nội dung ở mục I, chọn một chủ đề phù hợp (vấn đề xử lí nước thải của một cơ sở sản xuất công nghiệp; tác động của khí thải nhà máy đến môi trường không khí; ảnh hưởng của phân bón, thuốc trừ sâu đến môi trường nước, đất, không khí, ...; vấn đề thu gom và xử lí rác thải ở khu du lịch; ...) - Xác định địa điểm, thời gian phù hợp với chủ đề, kế hoạch học tập và điều kiện thực tế ở địa phương (có thể chọn một khu du lịch, một nhà máy, cơ sở sản xuất công nghiệp; cánh đồng; trang trại chăn nuôi gia súc, gia cầm, nuôi trồng thủy sản,... - Tư liệu, thiết bị - Sách giáo khoa, sách tham khảo, bài báo. - Các tài liệu từ Internet. - Dụng cụ thu gom và chứa mẫu vật. - Phương tiện ghi hình, thu âm,... - Phân công nhiệm vụ thành viên trong nhóm.
Giai đoạn thực hiện	- Quan sát địa bàn tham quan. - Ghi chép đầy đủ thông tin. - Chụp hình hoặc ghi chú những thông tin quan trọng. - Ghi nhớ lộ trình tham quan. <i>Lưu ý:</i> Học cần phải thông tin và phản hồi với giáo viên trong quá trình tham quan.

Giai đoạn báo cáo sản phẩm	1. Sắp xếp thông tin thu thập được theo chủ đề 2. Kiểm tra thông tin thu thập được với các nguồn tài liệu khác 3. Trình bày sản phẩm: – Cá nhân: Trình bày các bước thực hiện một chuyến tham quan (bài viết ngắn gọn, có thể với nhiều cách thể hiện khác nhau: Liệt kê bằng các gạch đầu dòng, vẽ sơ đồ, vẽ tranh...) – Nhóm: Viết báo cáo, vẽ lược đồ trí nhớ, sưu tập mẫu vật phù hợp với chủ đề đã chọn. Trình bày báo cáo trước lớp. 4. Rút kinh nghiệm từ các nhóm khác và ý kiến của giáo viên.
-----------------------------------	--

4. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ

4.1. Hướng dẫn chung

Trong chương trình GDPT môn Lịch sử và Địa lí cấp THCS (2018), đánh giá kết quả giáo dục trong chương trình phải bảo đảm các yêu cầu sau:

a. Mục tiêu đánh giá là cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt của Chương trình môn Lịch sử và Địa lí và sự tiến bộ của HS để hướng dẫn, điều chỉnh hoạt động dạy của GV và hoạt động học của HS.

b. Căn cứ đánh giá là yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu, năng lực chung và năng lực đặc thù lịch sử và địa lí được quy định trong Chương trình tổng thể và Chương trình môn Lịch sử và Địa lí.

c. Bên cạnh nội dung lí thuyết, cần tăng cường đánh giá các kĩ năng của HS như: làm việc với bản đồ, Atlat, biểu đồ, sơ đồ, bảng số liệu, tranh ảnh, quan sát, thu thập, xử lí và hệ thống hoá thông tin, sử dụng các dụng cụ học tập ngoài trời, sử dụng công nghệ và thông tin truyền thông trong học tập,... Đánh giá khả năng vận dụng tri thức vào những tình huống cụ thể, không lấy việc kiểm tra khả năng tái hiện kiến thức lịch sử hay địa lí làm trung tâm của việc đánh giá.

d. Đa dạng hoá các hình thức đánh giá, tăng cường đánh giá thường xuyên đối với tất cả HS bằng các hình thức khác nhau: đánh giá qua việc quan sát các hoạt động trên lớp; đánh giá qua hồ sơ học tập, sản phẩm học tập; đánh giá qua báo cáo kết quả thực hiện dự án học tập, báo cáo kết quả thực hành, bài thuyết trình về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập. Tạo điều kiện để HS được tham gia vào quá trình đánh giá kết quả giáo dục.

đ. Kết quả giáo dục được đánh giá bằng các hình thức định tính và định lượng thông qua đánh giá thường xuyên, định kì, trên cơ sở đó tổng hợp việc đánh giá chung về phẩm chất, năng lực và sự tiến bộ của HS.

4.2. Hướng dẫn cụ thể về kiểm tra, đánh giá năng lực, phẩm chất

– Kiểm tra, đánh giá trong giáo dục có mục đích chung là cung cấp thông tin để ra các quyết định về dạy học và giáo dục, nhằm nâng cao chất lượng của tất cả các hoạt động giáo dục.

– Quan điểm hiện đại về kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh chú trọng đến đánh giá quá trình để phát hiện kịp thời sự tiến bộ của học sinh và vì sự tiến bộ của học sinh, từ đó điều chỉnh và tự điều chỉnh kịp thời hoạt động dạy và hoạt động học trong quá trình dạy học. Như vậy, đánh giá kết quả học tập, giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS là đánh giá theo sản phẩm đầu ra nhưng sản phẩm đó không chỉ là kiến thức, kĩ năng, mà chủ yếu là khả năng vận dụng kiến thức, kĩ năng và thái độ cần có để thực hiện nhiệm vụ học tập nhằm đạt tới mục tiêu/yêu cầu cần đạt nào đó.

– Các yêu cầu khi đánh giá kết quả học tập theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS:

+ Đánh giá được tích hợp vào trong quá trình dạy học, tức là xem đánh giá như là một phương pháp dạy học hiệu quả nhằm liên tục thu được những thông tin phản hồi cho GV và HS.

+ Chú trọng đánh giá quá trình và sự tiến bộ của HS.

+ Chuyển từ đánh giá kĩ năng đơn lẻ sang đánh giá kĩ năng có tính phức hợp. Đặc biệt là khả năng thực hiện và hoàn thành các nhiệm vụ học tập của HS, khả năng vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học vào các tình huống trong học tập và thực tiễn.

+ Chuyển từ đánh giá một chiều (GV đánh giá), sang đánh giá đa chiều (GV đánh giá kết hợp với HS tự đánh giá, HS đánh giá chéo và tổ chức kiểm định, nhà trường, phụ huynh và cộng đồng đánh giá).

+ Kết hợp đánh giá bằng nhận xét và điểm số, chú trọng nhận xét sự tiến bộ về thái độ, hành vi, kết quả thực hiện các nhiệm vụ học tập theo định hướng phẩm chất, năng lực.

4.3. Một số gợi ý về hình thức và phương pháp kiểm tra, đánh giá năng lực

Hai hình thức cơ bản được sử dụng trong các nhà trường phổ thông ở Việt Nam hiện nay là đánh giá thường xuyên (đánh giá quá trình) và đánh giá định kì (đánh giá tổng kết).

4.3.1. Đánh giá thường xuyên

Đánh giá thường xuyên là hoạt động đánh giá diễn ra trong tiến trình thực hiện hoạt động giảng dạy môn học. Đánh giá hoạt động học tập thể hiện ở các nội dung sau:

- Đánh giá sự tích cực, hứng thú tham gia các hoạt động học tập của HS.
- Đánh giá HS có hoàn thành nhiệm vụ học tập hay không.



– Đánh giá chất lượng của sản phẩm học tập đó.

Thời điểm đánh giá thường xuyên được thực hiện linh hoạt trong quá trình dạy học và giáo dục, không bị giới hạn bởi số lần đánh giá. Mục đích chính là khuyến khích HS nỗ lực học tập, vì sự tiến bộ của người học.

Phương pháp kiểm tra, đánh giá thường xuyên có thể là kiểm tra viết, quan sát, thực hành, đánh giá qua hồ sơ và sản phẩm học tập,...

Công cụ có thể dùng là phiếu quan sát, các thang đo, bảng kiểm, thẻ kiểm tra/ phiếu kiểm tra, các phiếu đánh giá tiêu chí, phiếu hỏi, hồ sơ học tập, các loại câu hỏi vấn đáp,... được GV tự biên soạn hoặc tham khảo từ các tài liệu hướng dẫn.

4.3.2. Đánh giá định kì

Đánh giá định kì là đánh giá kết quả giáo dục của HS sau một giai đoạn học tập, rèn luyện, nhằm xác định mức độ mà HS hoàn thành yêu cầu cần đạt của chương trình môn học.

Thời điểm đánh giá định kì thường được tiến hành sau khi kết thúc một giai đoạn học tập (giữa kì, cuối kì). Người thực hiện đánh giá định kì có thể là GV đánh giá, nhà trường đánh giá hoặc tổ chức kiểm định các cấp đánh giá.

Phương pháp đánh giá định kì có thể là kiểm tra viết trên giấy hoặc trên máy tính; thực hành; hỏi – đáp, đánh giá thông qua sản phẩm học tập và thông qua hồ sơ học tập...

Công cụ đánh giá định kì có thể là các câu hỏi, bài kiểm tra, dự án học tập, sản phẩm nghiên cứu...

→ Để đánh giá kết quả học tập của HS, cần kết hợp cả hai hình thức, đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết. Với đánh giá quá trình, trước hết cần phân tích tài liệu học tập để xác định cấu trúc các hoạt động học tập, khả năng phát triển các năng lực ở mỗi bài học, ở tập hợp một số bài học. Từ đó dự kiến cách đánh giá, các công cụ đánh giá thường xuyên cho cả quá trình học tập của HS. Với đánh giá tổng kết, căn cứ vào mục tiêu sau mỗi giai đoạn học tập nhất định, thiết kế công cụ đánh giá kết quả sau khi HS hoàn thành giai đoạn học tập đó. Quan sát, hỏi vấn đáp thường được dùng để đánh giá thái độ, phẩm chất và một số biểu hiện của năng lực của HS. Các dạng bài tập, bài thi phù hợp với việc đánh giá kiến thức, kĩ năng, tư duy suy luận của HS. Vì vậy kết hợp kết quả của hai loại đánh giá này cho phép có thể đánh giá tổng hợp kết quả học tập của HS.

4.3.3. Ví dụ minh họa phân Lịch sử

Tùy từng yêu cầu cần đạt trong bài học, GV xây dựng một hoặc nhiều hoạt động tương ứng để học sinh thực hiện. Khi học sinh thực hiện được một hoặc nhiều hoạt động đề ra với kết quả đạt được, tức học sinh đã đạt được yêu cầu cần đạt đề ra.

Ví dụ: đối với một yêu cầu cần đạt – GV tổ chức hai hoạt động đáp ứng yêu cầu cần đạt, HS phải có hai kết quả đạt được của hai hoạt động trên thì mới đạt yêu cầu cần đạt của bài đã đề ra.

Gợi ý các mức độ đánh giá kết quả hoạt động: đạt được, gần đạt, chưa đạt. Trong các mức độ, GV có thể phân chia những cấp độ nhỏ (tùy nhu cầu, quy định của các cấp hoặc đặc thù của địa phương. Nếu GV xây dựng theo đang điểm thì các mức độ sẽ tương ứng với các thang điểm).

Gợi ý tham khảo cho giáo viên:

***Hoạt động 1:**

– *Mục tiêu hoạt động:* HS nêu được tác động của điều kiện tự nhiên đối với sự hình thành nền văn minh Ai Cập (Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử – mức độ biết).

– *Công cụ đánh giá:* bài trắc nghiệm gồm 10 câu.

– *Gợi ý:* thang đánh giá

+ HS làm đúng 9–10 câu – mức độ: đạt được (tương đương 9 – 10 điểm).

+ HS làm đúng 7–8 câu – mức độ: gần đạt loại khá (tương đương 7 – 8 điểm).

+ HS làm đúng 4–6 câu – mức độ: gần đạt loại trung bình (tương đương 4 – 6 điểm).

+ HS làm đúng 1–3 câu – mức độ: chưa đạt (tương đương 1 – 2 điểm).

*** Hoạt động 2:**

– *Mục tiêu hoạt động:* HS trình bày được những nét chính về đời sống của con người thời nguyên thủy trên thế giới và Việt Nam (Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử mức độ hiểu).

– *Công cụ đánh giá:* bài viết.

– *Gợi ý:* thang đánh giá.

Tiêu chí	Mô tả các mức điểm cụ thể			
	Mức 1 (1–3đ) Chưa đạt	Mức 2 (4–5đ) Gần đạt	Mức 3 (6–7 đ) Đạt loại khá	Mức 4 (8–10đ) Đạt loại tốt
Bài viết không sai lỗi chính tả				
Bài trình bày sạch đẹp				
Bài trả lời đúng nội dung yêu cầu				

* Hoạt động 3:

– *Mục tiêu hoạt động*: học sinh nêu được những di tích lịch sử nào ở địa phương em đang sống (từ cấp tỉnh trở xuống) và kể cho cả lớp nghe về sự kiện lịch sử liên quan đến một trong những di tích đó (Năng lực vận dụng kiến thức và kĩ năng đã học – mức độ vận dụng).

– *Công cụ đánh giá*: sản phẩm học tập.

– *Gợi ý*: thang đánh giá.

Mức độ	Điểm	Nội dung	Cách trình bày
1	1–3 đ	Không kể được hoặc kể không đúng dạng di tích lịch sử (công viên, khu giải trí,...).	Ngôn ngữ chưa lưu loát, chưa thu hút người nghe trong suốt thời gian trình bày.
2	4–5 đ	Kể được một di tích, sự kiện chính xác.	Ngôn ngữ lưu loát, nhưng chưa thu hút người nghe trong suốt thời gian trình bày.
3	6–8 đ	Kể từ 2 di tích trở lên, sự kiện còn chưa đủ, chưa chính xác.	Ngôn ngữ lưu loát, thu hút người nghe trong suốt thời gian trình bày. Không có hình ảnh minh họa.
4	9–10 đ	Kể từ 2 di tích trở lên, sự kiện chính xác.	Ngôn ngữ lưu loát, thu hút người nghe trong suốt thời gian trình bày. Có hình ảnh minh họa.

4.3.4. Ví dụ minh họa phần Địa lí

4.3.4.1. Với nhiệm vụ học tập: “Dựa vào thông tin trong bài và bảng 14.1 em hãy: – Cho biết bản thân em có thể thực hiện được biện pháp phòng tránh thiên tai nào?” ở trang 166 trong SGK, giáo viên có thể đánh giá hoạt động học tập của HS như sau:

Phương án 1: HS làm việc cá nhân, sản phẩm học tập sẽ là câu trả lời của HS. GV dùng phương pháp hỏi đáp kết hợp phương pháp quan sát, công cụ sẽ là câu hỏi (chính là hai câu hỏi này) và đây là dạng câu hỏi tự luận mở, do đó HS có thể đưa ra nhiều lời giải đúng. GV sẽ đánh giá câu trả lời của HS bằng các tiêu chí:

- Khả năng đọc hiểu và vận dụng kiến thức bài học.
- Tính sáng tạo của HS.
- Khả năng diễn đạt bằng ngôn ngữ.
- Sự tự tin khi trả lời câu hỏi.

Phương án 2: HS làm việc theo nhóm, GV dùng kĩ thuật khăn trải bàn để huy động ý kiến của HS trong nhóm. Khi đó, GV dùng phương pháp đánh giá qua sản phẩm học tập của nhóm, công cụ đánh giá sẽ là rubrics, có thể thiết kế như sau:

Mức độ Tiêu chí	Mức 1	Mức 2	Mức 3
Số lượng ý kiến	Dưới 3 ý	Từ 3 – 6 ý	Trên 6 ý
Chất lượng và tính sáng tạo của các ý kiến	Các ý kiến chưa phù hợp với khả năng của HS và có sẵn trong SGK	Các ý kiến phù hợp với khả năng của HS nhưng có sẵn trong SGK	Các ý kiến phù hợp với khả năng của HS và có ít nhất 2 ý ngoài SGK.
Khả năng làm việc nhóm	Dưới ½ thành viên của nhóm góp ý	2/3 số thành viên của nhóm góp ý	Tất cả thành viên của nhóm đều góp ý
Khả năng trình bày	Thiếu rõ ràng, thiếu logic, không cuốn hút người nghe	Rõ ràng, hợp lí nhưng chưa cuốn hút người nghe	Rõ ràng, mạch lạc và lôi cuốn người nghe

4.3.4.2. Với nhiệm vụ học tập ở trang 197 trong SGK:

“Dựa vào thông tin trong bài và hình 22.3, em hãy:

– Xác định trên bản đồ 10 thành phố đông dân nhất thế giới năm 2018”,

Giáo viên sử dụng phương pháp dạy học trực quan, học sinh làm việc cá nhân. Giáo viên có thể đánh giá hoạt động học tập của HS như sau:

Phương án 1:

– Phương pháp đánh giá: Phương pháp quan sát

– Công cụ đánh giá: Bảng kiểm, cụ thể như sau:

STT	Tiêu chí đánh giá	Đúng
1	Xác định/chỉ ĐÚNG vị trí 10 thành phố trên bản đồ ở hình 22.3	☐
2	Đọc/kể tên 10 thành phố ĐÚNG vị trí trên bản đồ ở hình 22.3	☐

Phương án 2:

– Phương pháp đánh giá: Phương pháp quan sát

– Công cụ đánh giá: rubrics, có thể thiết kế như sau:

Mức độ Tiêu chí	Mức 1	Mức 2	Mức 3
Xác định đúng vị trí thành phố	Dưới 4 thành phố	Từ 4 – 7 thành phố	Trên 7 thành phố
Kể đúng tên thành phố	Dưới 4 thành phố	Từ 4 – 7 thành phố	Trên 7 thành phố

PHẦN HAI

HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC MỘT SỐ DẠNG BÀI

1. PHẦN LỊCH SỬ

BÀI 3. NGUỒN GỐC LOÀI NGƯỜI

KẾT NỐI VỚI CHƯƠNG TRÌNH

Học sinh học về:

- Sự xuất hiện của con người trên Trái Đất – điểm bắt đầu của lịch sử loài người.
- Sự hiện diện của Người tối cổ ở Đông Nam Á và Việt Nam.

Học sinh học để:

1. Phát triển năng lực tìm hiểu lịch sử – mức độ biết và vận dụng

Quan sát, khai thác và sử dụng được thông tin của một số tư liệu lịch sử.

2. Phát triển năng lực nhận thức và tư duy lịch sử – mức độ biết và hiểu

- Giới thiệu được sơ lược quá trình tiến hoá từ Vượn người thành người trên Trái Đất.
- Xác định được những dấu tích của Người tối cổ ở Đông Nam Á.
- Kể tên được những địa điểm tìm thấy dấu tích của Người tối cổ trên đất nước Việt Nam.

3. Phát triển năng lực vận dụng ở mức độ cao của thang năng lực (Vận dụng)

Bài tập số 3, trang 20.

Bắt đầu phát triển hình thành năng lực quan trọng này trong mối liên hệ với thực tế cuộc sống xung quanh, vận dụng kiến thức có trong bài để lí giải một vấn đề thực tiễn mà học sinh có thể quan sát được (các màu da khác nhau trên thế giới).

4. Hình thành những phẩm chất

Giáo dục bảo vệ môi trường sống, tình cảm đối với tự nhiên và nhân loại.

KHỞI ĐỘNG BÀI HỌC

- GV có thể bắt đầu bằng một câu chuyện ngắn về “phát hiện bộ xương Lucy” và kết nối với phần dẫn nhập trong sách giáo khoa (xem thêm phần gợi ý giáo viên).
- Giáo viên sử dụng bức hình vẽ sau và đề nghị học sinh kể một câu chuyện theo trí tưởng tượng của các em về nguồn gốc loài người và kết nối với phần dẫn nhập.
- Giáo viên có thể kể về truyền thuyết “Bọc trăm trứng” và kết nối vào phần dẫn nhập.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN I

– Câu hỏi 1: Phát triển năng lực nhận thức và tư duy lịch sử – mức độ biết.

GV cho học sinh dựa vào 3 tư liệu 3.1, 3.2 và 3.3 kết hợp với thông tin trong bài học để nêu quá trình tiến hoá từ Vượn người thành người – quá trình hoàn thiện dần về mặt sinh học.

Gợi ý bảng sau đây:

	Vượn người	Người tối cổ	Người tinh khôn
Thời gian xuất hiện			
Địa điểm tìm thấy hoá thạch sớm nhất			
Đặc điểm não			
Đặc điểm vận động			
Công cụ lao động			

Dựa vào hình 3.2, GV có thể mở rộng câu hỏi để phát triển năng lực tư duy lịch sử mức độ hiểu và vận dụng: Người tối cổ ở nhiều nơi trên thế giới và thời gian tồn tại khác nhau. Ngoài Người đứng thẳng, GV cần cung cấp cho các em thêm tên và thời gian tồn tại của người Neanderthal (400 000 TCN – 40 TCN) và người lùn Floresiensia (200 000 TCN – 50 000 TCN) trong bức hình. Căn cứ trên thời gian tồn tại được khoa học chứng minh dựa trên hoá thạch, cho HS tự rút ra kết luận: Khi Người tinh khôn xuất hiện và tồn tại cùng với nhiều “anh em” của họ và trong quá trình tiến hoá Người tinh khôn là loài duy nhất tồn tại và phát triển.

– Câu hỏi 2: Phát triển năng lực nhận biết lịch sử và năng lực nhận thức, tư duy lịch sử – mức độ biết.

GV cho học sinh quan sát hình 3.1 và dẫn dắt học sinh để tìm câu trả lời như sau:

1/ Làm sao người ta có thể vẽ ra Vượn người? (Dựa vào hoá thạch tìm thấy ở châu Phi cách ngày nay 6 triệu năm).

2/ Em nghĩ gì về hình ảnh mặt đất và cành cây trong bức hình? (Vượn người đã bắt đầu đi trên mặt đất nhưng vẫn chưa từ bỏ hẳn đời sống leo trèo).

3/ Quan sát hình 3.3, em rút ra đặc điểm nào cho thấy sự tiến hoá của Người tối cổ so với Vượn người? (Đã đi thẳng bằng hai chân, từ bỏ đời sống leo trèo, đã biết làm công cụ lao động bằng tay, não lớn hơn).

– **Câu hỏi 3: Phát triển năng lực tìm hiểu lịch sử (quan sát và khai thác tư liệu), năng lực nhận thức và tư duy lịch sử (so sánh được sự khác nhau giữa Người tối cổ và Người tinh khôn) – mức độ hiểu (phân tích để chỉ ra những điểm khác nhau).** GV chú ý hướng học sinh vào những đặc điểm quan trọng cho thấy rõ sự tiến hoá như: Bộ não lớn hơn, cơ thể hoàn thiện về cơ bản giống chúng ta ngày nay. Từ đó cho học sinh rút ra kết luận: Quá trình chuyển biến từ Vượn người thành người đã hoàn thành.

HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC PHẦN II

– **Câu hỏi phát triển năng lực tìm hiểu lịch sử – mức độ biết (quan sát tư liệu và kể tên); phát triển năng lực nhận thức và tư duy lịch sử – mức độ hiểu (nhận xét):** GV hướng dẫn HS các đọc lược đồ (chú ý kí hiệu trên lược đồ). Ở yêu cầu 2 chỉ cần học sinh rút ra kết luận: dấu tích Người tối cổ xuất hiện cả miền núi và đồng bằng trên lãnh thổ Việt Nam ngày nay.

LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

Câu 1: Dựa vào bằng chứng khoa học được tìm thấy ở Đông Nam Á: hoá thạch ở Java, công cụ lao động của Người tối cổ, rằng Người tối cổ.

Câu 2: Lập bảng thống kê:

Tên quốc gia ngày nay	Tên địa điểm
Myanmar	Pondaung
Thái Lan	Tham Lod
Việt Nam	Núi Độ, An Khê, Xuân Lộc, Thẩm Khuyên, Thẩm Hai
Indonesia	Trinin, Liang Bua
Philippines	Ta Bon
Malaysia	Nia

Câu 3: Câu hỏi vận dụng và là câu hỏi mở nên GV lưu ý tính logic của cách suy luận dựa trên thông tin bài học: Châu Phi là nơi xuất hiện sớm nhất – di cư qua các châu lục – môi trường sống khác nhau – cơ thể biến đổi thích nghi với môi trường. GV giúp HS rút ra kết luận: Môi trường ảnh hưởng quan trọng, là yếu tố quyết định quá trình tiến hoá. Ngày nay con người vẫn tiếp tục tiến hoá để thích nghi với môi trường.

LƯU Ý VỚI GIÁO VIÊN

Về phương pháp và tổ chức dạy học

Năng lực lịch sử của học sinh được hình thành, phát triển thông qua việc tổ chức, hướng dẫn học sinh đọc hiểu, giải mã các văn bản lịch sử (kênh hình, kênh chữ, hiện

vật lịch sử,...), từ đó tái hiện quá khứ, nhận thức sự thật lịch sử, đưa ra suy luận, đánh giá về bối cảnh, nguồn gốc, sự tiến hoá của sự kiện, hiện tượng, nhân vật lịch sử và quá trình phát triển lịch sử,... Do vậy, GV chú ý hình thành kĩ năng đọc lược đồ, giải mã tư liệu hình ảnh,... trong quá trình tổ chức dạy học bài 3.

Hình thành năng lực chung

Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Để giải quyết những vấn đề đặt ra trong yêu cầu cần đạt, hệ thống câu hỏi đòi hỏi học sinh phải biết phân tích, suy luận về nguồn gốc loài người dựa trên những bằng chứng lịch sử và hoá thạch, đánh giá được sự hợp lí của tài liệu minh hoạ khi miêu tả về một thời kì mông muội, chưa có tư liệu chữ viết của nhân loại.

Về kiến thức bổ trợ

Khám phá thời nguyên thủy

Nhờ Khảo cổ học và Nhân chủng học, chúng ta có thể biết được phần nào về nguồn gốc của loài người cuộc sống của con người thời nguyên thủy.

Nhân chủng học nghiên cứu những bộ xương **hoá thạch**, còn sót lại trong các lớp đất đá của vỏ Trái Đất. Qua quan sát và nghiên cứu cấu trúc xương, các nhà khoa học có thể xác định được hình dáng bên ngoài, kích thước hay tuổi của chúng.

Khảo cổ học cho phép chúng ta hình dung ra phần nào cuộc sống của người nguyên thủy qua những vật dụng, công cụ của họ tìm thấy trong những di chỉ.

Tuy nhiên, thời kì nguyên thủy đã quá xa xôi. Việc lần theo dấu vết của con người sống cách ngày nay hàng triệu năm là một việc rất khó khăn, các nhà khoa học phải đoán định nhiều. Trong tương lai, khi những khám phá mới được phát hiện, có thể sẽ thay đổi hiểu biết mà chúng ta đang có về thời kì này.

Người Neanderthal

Các nhà nhân chủng học đã tìm thấy di tích của người Neanderthal trong các hang động ở châu Âu và Tây Nam Á. Người Neanderthal sống cách đây khoảng 35 000 đến 130 000 năm, trong thời kì đồ đá cũ. Họ mặc da động vật làm quần áo và sử dụng lửa để sưởi ấm và nấu ăn. Các công cụ lao động của họ hiệu quả hơn các công cụ của các hominids trước đó.

Người Neanderthal cũng khác với người Hominids trước đó ở một khía cạnh quan trọng khác – Cách họ chôn cất người chết. Hơn nữa, họ chôn thịt và các công cụ cùng với người chết. Các nhà khoa học cho rằng điều này cho thấy người Neanderthal tin vào một số hình thức sống sau khi chết. Niềm tin vào thế giới bên kia là điều cơ bản đối với nhiều tôn giáo trên thế giới.

Giống như những Người tối cổ trước hoặc cùng thời với họ, người Neanderthal biến mất không biết tại sao. Có lẽ một thời kì mới của kỉ Băng hà đã bắt đầu, tạo ra một

môi trường lạnh giá, thù địch. Hoặc có thể là một nhóm Homo sapiens khác mạnh hơn tiêu diệt hoặc lai tạp với họ.

Câu chuyện người lùn Floresiensis (Khoảng từ 200 000 năm đến 50 000 năm cách đây)

Trên hòn đảo nhỏ Flores của Indonesia, những Người tối cổ đã trải qua một tiến trình ngày càng trở nên... còi cọc. Khi những người đầu tiên đến đảo Flores, mực nước biển còn rất thấp nên thật dễ dàng di chuyển từ đảo vào đất liền. Nhưng rồi, mực nước biển dâng cao trở lại, nhóm người này đã bị kẹt lại trên đảo nhỏ, mà nguồn thức ăn vốn đã rất hạn chế. Người nào có tầm vóc to lớn, cần nhiều thức ăn, chết trước nên nhóm Người tối cổ này cứ nhỏ dần nhỏ dần cho đến khi họ trở thành những người lùn với chiều cao tối đa chỉ từ 80 cm đến 100 cm, và nặng không quá 25 kg. Dẫu vậy, họ vẫn có khả năng sản xuất những dụng cụ bằng đá, và đôi khi vẫn xoay sở để săn bắt một vài con voi – những con voi cũng đã tiến hoá thành một loài voi lùn như họ.

(Theo Yuval N. Harari, Sapien – Lịch sử về loài người)

2. PHẦN ĐỊA LÍ

Trong cuốn sách này có các dạng bài sau: Bài học tìm hiểu kiến thức, kĩ năng mới (20 bài) và bài thực hành (5 bài).

2.1. Bài học tìm hiểu kiến thức, kĩ năng mới

2.1.1. Căn cứ thiết kế và tổ chức kế hoạch bài dạy dạng bài hình thành kiến thức, kĩ năng mới

Việc thiết kế và tổ chức các bài học tìm hiểu kiến thức, kĩ năng mới trong SGK Địa lí lớp 6 nên căn cứ vào những định hướng cơ bản sau đây:

– Thứ nhất, cách thức triển khai nội dung của các bài học được đề cập trong mục 2.3. *Cấu trúc bài học* của tài liệu này

– Thứ hai, cấu trúc một kế hoạch bài dạy được hướng dẫn trong chương trình tập huấn giáo viên thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (ETEP). Theo đó, mỗi Kế hoạch bài dạy được triển khai theo thành các hoạt động cụ thể gồm: Khởi động bài học; các hoạt động hình thành kiến thức, kĩ năng mới (khám phá), hoạt động luyện tập, hoạt động vận dụng

– Thứ ba, mỗi kế hoạch bài dạy cần được thiết kế theo những định hướng cơ bản được đề cập trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 – chương trình môn Địa lí THCS; nhấn mạnh việc tổ chức các hoạt động học để học sinh tự khám phá tri thức, kĩ năng góp phần hình thành các năng lực đặc thù, năng lực chung và phẩm chất; đa dạng hóa các phương pháp dạy học, giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực; chú trọng khâu đánh giá trong từng hoạt động học và mỗi bài học/chủ đề.

2.1.2. Hướng dẫn tổ chức kế hoạch bài dạy dạng bài hình thành kiến thức, kĩ năng mới

Dưới đây trình bày gợi ý của nhóm tác giả đối với việc tổ chức dạng bài hình thành kiến thức, kĩ năng mới thông qua 4 hoạt động với những định hướng về phương pháp tiếp cận thông qua một ví dụ cụ thể: *Bài 1. Hệ thống kinh vĩ tuyến và tọa độ địa lí*

Hoạt động	Hướng dẫn tổ chức dạng bài hình thành kiến thức, kĩ năng mới	Ví dụ minh họa
Khởi động	- Mục tiêu của hoạt động khởi động là đặt vấn đề cho bài học, tạo tâm thế để học sinh sẵn sàng tham gia vào các hoạt động học tập cũng như định hướng mục tiêu và nội dung về kiến thức, kĩ năng trong bài học mới. - GV nên khai thác hiệu quả Phần mở đầu trong mỗi bài của cuốn sách này vì các tình huống trong phần này gợi sự tò mò của học sinh, lôi cuốn các em vào bài học; các tình huống này GV có thể tham khảo thêm thông tin và cách thức tổ chức trong cuốn sách giáo viên. - GV cũng cần giới thiệu cho học sinh về các yêu cầu cần đạt của bài học một cách rõ ràng. Việc làm này nhằm tạo cơ sở cho việc tổ chức đánh giá trong mỗi hoạt động và khi kết thúc bài học.	- GV có thể chọn 1 trong hai cách sau để khởi động bài học này: - Cách thứ nhất: kể về các cuộc hành trình của các tàu biển ngày xưa và cách con người xây dựng hệ thống kinh vĩ tuyến như tình huống được mô tả trong đoạn văn mở đầu. - Cách thứ hai: GV tổ chức cho học sinh chơi trò chơi “đi tìm kho báu” với 5 – 7 câu hỏi ngắn liên quan đến tình huống mở đầu, một vài nội dung của bài học (Tham khảo trò chơi này trong SGK) - GV giới thiệu cho học sinh về các mục tiêu bài học, tức là những yêu cầu cần đạt được nêu trong mục: “học xong bài học này em sẽ:”
Hình thành kiến thức mới (khám phá)	- Mục tiêu của các hoạt động này là hướng dẫn học sinh tìm hiểu kiến thức, kĩ năng mới của bài học, từ đó góp phần hình thành các năng lực địa lí, năng lực chung và phẩm chất. - GV nên tổ chức một số hoạt động trong Hình thành kiến thức mới dựa vào các yếu tố như: sự phân chia các đơn vị kiến thức trong bài, thời lượng, khả năng của học sinh... Tuy nhiên không nên tổ chức quá nhiều hoạt động vì có thể tốn thời gian và tạo ra sự mất tập trung, thậm chí là mệt mỏi đối với học sinh.	- Bài Hệ thống kinh vĩ tuyến và tọa độ địa lí được xây dựng để dạy trong 2 tiết với 3 đơn vị kiến thức, kĩ năng mới vì thế GV có thể phân chia thành 3 hoạt động khám phá: Hoạt động khám phá 1. Hướng dẫn học sinh tìm hiểu hệ thống kinh vĩ tuyến - Thời gian: 15 phút - Hình thức dạy học: Nhóm 2 học sinh - Phương pháp, kĩ thuật dạy học: Đàm thoại, sử dụng phương tiện trực quan (quả Địa Cầu/ tranh ảnh), sử dụng bài tập - Phương tiện dạy học: Hình 1.1. kinh tuyến, vĩ tuyến trên quả Địa Cầu, quả Địa cầu

	– Về phương pháp: Vận dụng hiệu quả các phương pháp đặc thù của địa lí nhất là phương pháp hướng dẫn học sinh khai thác phương tiện trực quan; kết hợp linh hoạt các hình thức học tập cá nhân, cặp đôi, nhóm nhỏ và toàn lớp; sử dụng hiệu quả, vừa đủ các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực. – Giữa các hoạt động học với nhau GV nên có một hoạt động kết nối ngắn gọn 1 – 2 phút; hoặc tạo ra những “khoảng lặng” để học sinh suy ngẫm, tư duy về nội dung học tập, hoặc để duy trì sự tập trung một cách liên mạch. – Về đánh giá: Mỗi hoạt động cần nên có một phần đánh giá ngắn để kiểm tra mức độ tiếp thu của học sinh, có thể là một câu hỏi, một bài tập nhỏ hoặc một khảo sát nhanh,...	+ Các bước tiến hành: Bước 1. GV yêu cầu 2 học sinh ngồi cạnh nhau thực hiện nhiệm vụ học tập trong SGK: <i>Em hãy xác định trên hình 1.1 các đối tượng sau: kinh tuyến gốc, các kinh tuyến Đông, các kinh tuyến Tây, vĩ tuyến Bắc, vĩ tuyến Nam, Xích đạo, bán cầu Bắc, bán cầu Nam</i> Bước 2. GV mời đại diện 01 cặp học sinh xác định các yếu tố trên hình 1.1 bằng cách chỉ trên hình vẽ treo tường/ màn chiếu; các học sinh khác nhận xét/ bổ sung Bước 3. GV hướng dẫn học sinh dựa vào kênh chữ trong mục I. Hệ thống kinh, vĩ tuyến, trao đổi với bạn học để hoàn thành bài tập dạng trắc nghiệm tìm kiếm sự phù hợp (ghép đôi) – ghép các khái niệm Hệ thống kinh tuyến gốc, các kinh tuyến Đông, các kinh tuyến Tây, vĩ tuyến Bắc, vĩ tuyến Nam, Xích đạo, bán cầu Bắc, bán cầu Nam với các mô tả/ định nghĩa về các khái niệm đó (GV có thể lấy bài tập này trong SBT của học sinh). Hoạt động này cũng là một cách đánh giá nội dung kiến thức mục I.
	– Hoạt động khám phá 2. Hướng dẫn học sinh tìm hiểu toạ độ địa lí	+ Thời gian: 15 phút + Hình thức dạy học: cá nhân + Phương pháp, kĩ thuật dạy học: Đàm thoại, sử dụng phương tiện trực quan. + Phương tiện dạy học: Hình 1.2. Kinh tuyến, vĩ tuyến trên quả Địa Cầu, quả Địa Cầu + Các bước tiến hành: Bước 1. GV yêu cầu 2 học sinh đọc nội dung kênh chữ trong mục II SGK để trả lời 2 câu hỏi: <i>Câu 1. Toạ độ địa lí của một điểm trên quả Địa Cầu/ bản đồ được xác định như thế nào?</i> <i>Câu 2. Khi xác định toạ độ địa lí của một điểm cần lưu ý điều gì?</i> Bước 2. GV mời đại diện 1 đến 2 học sinh đáp án cho các câu hỏi và giảng giải thêm về cách xác định toạ độ địa lí.

		Bước 3. GV hướng dẫn học sinh hoàn thành nhiệm vụ học tập trong SGK: Quan sát hình 1.2, hãy xác định toạ độ địa lí của các điểm A, B, C, D và ghi ra toạ độ địa lí các điểm đó trong tập/ tài liệu học sinh/ giấy nháp... Đánh giá: GV yêu cầu 2 học sinh ngồi cạnh nhau sẽ kiểm tra kết quả bài tập cho nhau dựa vào đáp án GV cung cấp. – Hoạt động khám phá 3. Hướng dẫn học sinh tìm hiểu lưới kinh, vĩ tuyến của bản đồ thế giới + Thời gian: 15 phút + Hình thức dạy học: Nhóm nhỏ + Phương pháp, kĩ thuật dạy học: Đàm thoại, sử dụng phương tiện trực quan. + Phương tiện dạy học: Hình 1.3. Một số lưới kinh vĩ tuyến của bản đồ thế giới. + Các bước tiến hành: Bước 1. GV chia học sinh thành nhóm nhỏ 4 – 5 học sinh tùy vào số lượng. Bước 2. GV yêu cầu các nhóm học sinh hoàn thành nhiệm vụ học tập trong SGK: Dựa vào nội dung mô tả lưới kinh, vĩ tuyến của bản đồ thế giới (hình 1.3.a), hãy mô tả đặc điểm lưới kinh, vĩ tuyến của các hình còn lại. Bước 3. Đại diện các nhóm học sinh trình bày kết quả thảo luận Đánh giá: GV kiểm tra mức độ hoàn thành nhiệm vụ và chất lượng bài tập qua phiếu thảo luận nhóm.
Luyện tập	– Mục tiêu của phần này giúp học sinh luyện tập, củng cố, thực hành những kiến thức, kĩ năng đã được cung cấp trong các hoạt động khám phá thông qua những bài tập/nhiệm vụ cụ thể. – Hoạt động luyện tập GV nên để cao vai trò chủ động, tự lực của học sinh khi tổ chức hoạt động học; phát huy vai trò học tập nhóm	+ Thời gian: 15 phút + Hình thức dạy học: Nhóm nhỏ + Phương pháp, kĩ thuật dạy học: Đàm thoại, sử dụng phương tiện trực quan (quả Địa Cầu/ tranh ảnh), sử dụng bài tập + Phương tiện dạy học: Hình 1.4. Vị trí của các điểm A, B, C, D trên bản đồ thế giới.

	– Về phương pháp: nên là các phương pháp hướng nhiều đến thực hành, luyện tập.	+ Các bước tiến hành: Bước 1. GV tổ chức cho các nhóm học sinh đã chia trong hoạt động khám phá 3 và yêu cầu các em hoàn thành nhiệm vụ học tập trong SGK: Dựa vào hình 1.4, em hãy hoàn thành các nhiệm vụ sau: 1. Mô tả đặc điểm lưới kinh, vĩ tuyến của bản đồ trên. (2 điểm) 2. Tìm trên bản đồ các vĩ tuyến và ghi vĩ độ của các vĩ tuyến đó (4 điểm) – Vòng cực Bắc, Vòng cực Nam. – Chí tuyến Bắc, Chí tuyến Nam. 3. Xác định toạ độ địa lí của các điểm A, B, C, D. (4 điểm) Bước 2. HS thảo luận và hoàn thành nhiệm vụ học tập trong phiếu thảo luận nhóm – Đánh giá: GV cho điểm bài tập dựa vào kết quả thảo luận sau khi đã cung cấp đáp án, hoặc cho các nhóm học sinh đánh giá lẫn nhau.
Vận dụng	– Mục tiêu của phần này là giúp học sinh vận dụng, áp dụng kiến thức, kĩ năng đã được cung cấp, luyện tập vào những tình huống học tập mới, tương tự hoặc mở rộng. – Cũng như hoạt động luyện tập, hoạt động này GV nên để cao vai trò chủ động, tự lực của học sinh – Về phương pháp: Nên sử dụng dạy học tình huống, dạy học giải quyết vấn đề và phương pháp hướng dẫn học sinh tự học,... – Có thể tiến hành cuối mỗi bài học trên lớp hoặc ngoài lớp.	+ Thời gian: 15 phút. + Hình thức dạy học: Cá nhân. + Phương pháp, kĩ thuật dạy học: Đàm thoại, sử dụng phương tiện trực quan. + Phương tiện dạy học: Bản đồ hành chính Việt Nam. Bước 1. GV cung cấp cho học sinh các bản đồ Việt Nam (bản đồ trống). Bước 2. GV yêu cầu các em tìm kiếm bản đồ hành chính Việt Nam dựa trên những nguồn do GV cung cấp, tìm kiếm thông tin về toạ độ các điểm cực. Học sinh ghi chú toạ độ địa lí các điểm cực lên bản đồ (toạ độ và địa danh). Đánh giá: GV kiểm tra mức độ chính xác của việc hoàn thành nhiệm vụ học tập thông qua các bản đồ trống.

2.2. Bài thực hành: có 5 bài thực hành trong các chủ đề 2, 3, 4, 6, và 7

Mỗi bài thực hành có cấu trúc, quy trình thực hiện khác nhau

Ví dụ bài 15. Thực hành: Phân tích biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa

1) Xác định yêu cầu cần đạt dựa vào chương trình môn học

STT	Yêu cầu cần đạt
1	Phân tích được biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa.
2	Xác định được đặc điểm về nhiệt độ và lượng mưa của một số địa điểm trên bản đồ khí hậu thế giới.

2) Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

a. Chuẩn bị của giáo viên

- Biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa của một số địa điểm.
- Bản đồ các đới khí hậu trên Trái Đất.
- Phiếu học tập so sánh đặc điểm nhiệt độ và lượng mưa của Môn-trê-an (Montreal), Ca-na-đa và Hà Nội, Việt Nam.

b. Chuẩn bị của học sinh

- Tập bản đồ Địa lí lớp 6.

3) Các hoạt động học

a) Hoạt động khởi động

- Phương án 1: GV cho học sinh trả lời nhanh các yếu tố của biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa của một địa điểm bất kì: đường biểu diễn nhiệt độ, cột biểu diễn lượng mưa, số liệu lượng mưa, trục tung nhiệt độ và lượng mưa.
- Phương án 2: GV nhắc lại nội dung chính của bài 13 để dẫn dắt vào bài thực hành này.

b) Hoạt động thực hành 1: Phân tích biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa của Va-len-xi-a và một số địa điểm:

- Phương án 1: Hướng dẫn HS làm việc theo cặp để trả lời 4 câu hỏi trong SGK trang 168, mỗi cặp HS làm vào 1 phiếu học tập/ bảng phụ. Sau đó các cặp HS trả lời và bổ sung cho nhau. Cặp HS nào trả lời nhiều ý đúng nhất sẽ có điểm cộng. GV chuẩn xác nội dung cho HS.

- Phương án 2: GV phân tích biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa của Va-len-xi-a và lần lượt trả lời 4 câu hỏi kèm theo.

+ Sau đó, GV chọn 2 biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa của 2 địa điểm khác trên Bản đồ các đới khí hậu trên Trái Đất và giao nhiệm vụ cho các nhóm HS phân tích tương tự và trả lời 4 câu hỏi để làm rõ đặc điểm nhiệt độ và lượng mưa của 2 địa điểm ấy.

+ Đại diện 2 nhóm HS sẽ lên trình bày 2 biểu đồ đã cho.

+ GV chỉ ra những lỗi sai và cách khắc phục lỗi của 2 nhóm HS. Các nhóm HS còn lại điều chỉnh kết quả làm việc của nhóm mình.

c) Hoạt động thực hành 2: So sánh đặc điểm nhiệt độ và lượng mưa của Môn-trê-an (Montreal), Ca-na-đa và Hà Nội, Việt Nam.

– GV yêu cầu HS xác định vị trí của 2 địa điểm và 2 biểu đồ nhiệt độ – lượng mưa tương ứng của 2 địa điểm ấy trên Bản đồ các đới khí hậu trên Trái Đất.

– GV giao nhiệm vụ cho các nhóm HS hoàn thành phiếu học tập:

Tiêu chí so sánh	Môn-trê-an	Hà Nội
Nhiệt độ trung bình tháng cao nhất và tháng thấp nhất.		
Nhiệt độ chênh lệch giữa tháng cao nhất và tháng thấp nhất.		
Những tháng trong năm có lượng mưa trên 100mm.		
Thuộc đới khí hậu.		

– HS hoàn thành phiếu học tập. Đại diện 2 nhóm trình bày kết quả, các nhóm còn lại góp ý, bổ sung.

– GV nhận xét, cho điểm các nhóm.

Chân trời sáng tạo

PHẦN BA

CÁC NỘI DUNG KHÁC

1. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO VIÊN

Sách giáo viên Lịch sử và Địa lí 6 gồm có hai phần là Lịch sử và Địa lí. Cấu trúc chung gồm:

Phần 1: Giới thiệu chung

Phần 2: Hướng dẫn cách thức tổ chức các bài học theo từng chủ đề trong sách giáo khoa Lịch sử – Địa lí 6.

Trong phần 1, các vấn đề chung được đề cập và làm rõ. Những vấn đề chung là cơ sở để nhóm tác giả đề xuất cấu trúc kế hoạch dạy học đã được phân tích, ví dụ: mục tiêu, yêu cầu cần đạt, nội dung chương trình, định hướng về phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá của chương trình Lịch sử – Địa lí 6.

Vì vậy, quý thầy cô và bạn đọc hãy xem kĩ phần 1 để hiểu rõ hơn cách thức nhóm tác giả triển khai các hoạt động học tập ở phần 2.

Trong phần 2, cấu trúc bài học ở phần 1 đã được các tác giả cụ thể hoá trong từng bài theo các chủ đề. Mỗi bài sẽ được thiết kế đầy đủ các hoạt động: khởi động, khám phá kiến thức, luyện tập và vận dụng. Mỗi hoạt động có ít nhất một phương án tổ chức. Tuy nhiên, để các giáo viên có thêm nhiều lựa chọn, có những hoạt động học tập được thiết kế nhiều hơn một phương án.

2. HƯỚNG DẪN KHAI THÁC, SỬ DỤNG NGUỒN TÀI NGUYÊN SÁCH, THIẾT BỊ GIÁO DỤC, HỌC LIỆU ĐIỆN TỬ CỦA NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Cùng với hệ thống SGK, SGV, SBT, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Công ty cổ phần xuất bản giáo dục Gia Định xây dựng hệ thống nguồn tài nguyên sách và học liệu đi kèm SGK Lịch sử – Địa lí 6, Bộ sách Chân trời sáng tạo.

2.1. Nguồn tài nguyên sách, thiết bị và học liệu điện tử

Vở bài tập Lịch sử và Địa lí 6; Vở thực hành Lịch sử và Địa lí 6; Câu hỏi và bài tập phát triển năng lực Lịch sử và Địa lí 6; Để học tốt Lịch sử và Địa lí 6; Tập bản đồ – tranh ảnh Lịch sử và Địa lí 6; Phim minh hoạ tiết dạy tham khảo

2.2. Một số cách hướng dẫn khai thác và sử dụng

GV, phụ huynh học sinh và học sinh có thể tìm mua sách và tài liệu dạy học môn Lịch sử và Địa lí 6 cho học sinh tại cửa hàng sách giáo dục trên toàn quốc. Giáo viên, phụ huynh cũng có thể tải các ebook, video clip tại kho tài liệu dạy học điện tử do Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Công ty cổ phần xuất bản giáo dục Gia Định xây dựng. Cách thức tải các ebook, video clip tại kho học liệu dạy học điện tử được hướng dẫn chi tiết, cụ thể và rõ ràng trên website của công ty.

Các thầy, cô có thể tham khảo tài nguyên trên trang: taphuan.nxbgd.vn, hanhtrangso.nxbgd.vn, www.chantroisangtao.vn

**Chịu trách nhiệm xuất bản:**

Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Biên tập nội dung: NGUYỄN THANH TUYỀN - NGUYỄN THỊ HIỀN*Thiết kế sách:* BÙI THỊ NGỌC LAN*Trình bày bìa:* NGUYỄN MẠNH HÙNG*Sửa bản in:* THANH TUYỀN - NGUYỄN THỊ HIỀN*Chế bản:* CÔNG TY DVXBGD GIA ĐỊNH**Địa chỉ sách điện tử và tập huấn qua mạng:**– Sách điện tử: nxbgd.vn/sachdientu– Tập huấn online: nxbgd.vn/taphuan

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

**TÀI LIỆU TẬP HUẤN DẠY HỌC THEO SÁCH GIÁO KHOA MỚI
MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 6. BỘ SÁCH: CHÂN TRỜI SÁNG TẠO**

Mã số: ...

In bản, (QĐ) khổ 19 x 26,5 cm.

Đơn vị in: địa chỉ

Cơ sở in: địa chỉ

Số ĐKXB: .../CXBIPH/.....GD.

Số QĐXB: .../QĐ- GD – HN ngày ... tháng ... năm 20...

In xong và nộp lưu chiểu tháng ... năm 20...

Mã số ISBN: